

NHỮNG BÀI THƠ CHỮ HÁN

己山
自平
救是
中國
救中

斯酷爭毒焚骨免活爭平
西殘戰荼被山可生門和
法又華被家滿無難地與
方暴侵民了紅彈病苦主
東兇了人殺血炊疾艱民
本蠻動國被地機寒們衛
日野發中人滿飛饑他保

者情攻敵啊國人齒寒己
助同進公妹中國唇齒自
援有界之姐助中如則救
要要世類弟來助南亡是
需需向人兄起幫越唇國
們們鬼是南快力國知中
他他日他越快努中須救

CỨU TRUNG QUỐC THỊ CỨU TỰ KỶ ⁽¹⁾

*Nhật Bản đông phương phát tây tư,
Dã man hung bạo hựu tàn khốc.
Phát động liễu xâm Hoa chiến tranh,
Trung Quốc nhân dân bị đồ độc.
Nhân bị sát liễu, gia bị phần,
Mãn địa huyết hồng, mãn sơn cốt.
Phi cơ tạc đạn vô khả miễn,
Cơ hàn tật bệnh nan sinh hoạt.
Tha môn gian khổ địa đấu tranh,
Bảo vệ dân chủ dữ hòa bình.
Tha môn nhu yếu viện trợ giả,
Tha môn nhu yếu hữu đồng tình.
Nhật quý hướng thế giới tiến công,*



(1) Bài "Cứu Trung Quốc thị cứu tự kỷ" là một bài báo của Nguyễn Ái Quốc với bút danh Bình Sơn đăng trên "Cứu vong nhật báo" (Trung Quốc), mục văn hóa cương vị ngày 4-12-1940.

*Tha thị nhân loại chi công địch.
Việt Nam huynh đệ tử muội a,
Khoái khoái khởi lai trợ Trung Quốc.
Nỗ lực bang trợ Trung Quốc nhân,
Trung Quốc Việt Nam như thần xỉ.
Tu tri thần vong tác xỉ hàn,
Cứu Trung Quốc thị cứu tự kỷ.*

4-12-1940



CỨU TRUNG QUỐC LÀ TỰ CỨU MÌNH

Nhật Bản là bọn phát xít phương Đông.
Dã man, hung bạo lại tàn khốc,
Đã gây ra cuộc chiến tranh xâm lược
Trung Hoa,
Nhân dân Trung Quốc bị đầu độc khổ sở.
Người thì bị giết, nhà bị đốt,
Đầy đất máu đỏ, đầy núi xương phơi.
Tàu bay bom đạn, không thể tránh khỏi.
Đói rét, bệnh tật, khó sống nổi.
Họ đang đấu tranh một cách gian khổ,
Bảo vệ dân chủ và hòa bình.
Họ cần có người viện trợ,
Họ cần có sự đồng tình.
Giặc Nhật tiến công cả thế giới,
Chúng là kẻ thù chung của loài người.
Anh em chị em Việt Nam ơi !

Mau mau đứng lên giúp Trung Quốc.
Ra sức giúp đỡ người Trung Quốc,
Trung Quốc, Việt Nam như môi với răng.
Phải biết rằng môi hở thì răng lạnh,
Cứu Trung Quốc là cứu chính mình.

*Nhật Bản phát xít ở phương Đông,
Dã man cuồng bạo lại tàn hung.
Vào Trung Hoa gây chiến xâm lược,
Nhân dân Trung Quốc khổ vô cùng.*

*Người thì bị giết, nhà bị thiếu,
Núi đầy xương, đất đầy máu đỏ.
Tàu bay, bom đạn, tránh làm sao ?
Đói rét, ốm đau, sống thật khó.*

*Họ đang đấu tranh rất gian khổ,
Giữ gìn dân chủ và hòa bình.
Họ đang cần có người viện trợ,
Họ đang cần được sự đồng tình.*

*Giặc Nhật tấn công cả thế giới,
Là kẻ thù chung toàn nhân loại.
Mau đứng lên mà giúp Trung Hoa,
Anh chị em Việt Nam ta hồi !*

*Ra sức giúp cho người Trung Quốc,
Trung - Việt khác nào môi với răng.
Nhớ rằng môi hở thì răng buốt,
Cứu Trung Quốc là tự cứu mình.*

PHAN VĂN CÁC dịch

上 山

六 月 二 十 四
上 到 此 山 來
舉 頭 紅 日 近
對 岸 一 枝 梅

THƯỜNG SƠN

*Lục nguyệt nhị thập tứ,
Thượng đáo thử sơn lai.
Cử đầu hồng nhật cận,
Đối ngạn nhất chi mai.*

Lũng Dè, 1942

LÊN NÚI

Ngày hai mươi bốn tháng sáu,
Trèo lên trên núi này.
Ngẩng đầu thấy gần mặt trời đỏ,
Bên kia suối, có một nhành mai.

Lũng Dẻ, 1942

*Hai mươi tư tháng sáu,
Lên ngọn núi này chơi.
Ngẩng đầu : mặt trời đỏ,
Bên suối, một nhành mai.*

TỔ HỮU dịch

憶故人

雲擁重山山擁雲
江心如鏡淨無塵
徘徊獨步西峰嶺
遙望南天憶故人

ỨC CỔ NHÂN

*Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như kính tịnh vô trần.
Bồi hồi độc bộ Tây Phong Lĩnh,
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.*

NHỚ BẠN XƯA

Mây che dãy núi, núi chen mây
Lòng sông như tấm gương không một chút bụi.
Một mình bồi hồi dạo bước trên đỉnh Tây Phong,
Xa ngóng trời Nam, tưởng nhớ bạn cũ.

*Mây ôm núi, núi ấp mây
Lòng sông chẳng gợn mảy may bụi hồng.
Bồi hồi dạo đỉnh Tây Phong,
Trông vời cố quốc chạnh lòng nhớ ai.*

T.LAN dịch

革命先革心

革命先革心
改造社會先改造自己
檢肅深心
厲行自承批評
先之以自己修身
繼之以教化部屬
繼之以感應民衆

CÁCH MẠNG TIỀN CÁCH TÂM

Cách mạng tiên cách tâm,

Cải tạo xã hội tiên cải tạo tự kỷ

Kiểm túc (?) thâm tâm

Lệ hành tự thừa phê bình

*Tiên chi dĩ tự kỷ tu thân
Kế chi dĩ giáo hóa bộ thuộc
Kế chi dĩ cảm ứng dân chúng.*

Dịch nghĩa :

Làm cách mạng trước hết phải cách mạng
tấm lòng,
Cải tạo xã hội trước hết phải cải tạo bản
thân mình.
Kiểm điểm sâu sắc tận nơi đáy lòng,
Nghiêm khắc thực hành tự phê bình
Trước tiên hãy tự mình tu sửa bản thân
Kế đó mới dạy bảo cấp dưới
Sau nữa làm cho quần chúng đồng lòng.⁽¹⁾

Tân Trào, đầu năm 1945

(1) Theo "Tổng tập Văn học Việt Nam" - T. 36 - NXBVH - 1980.

題宋家將軍廟詩

畢竟人民終自主
僞胡何必幹榮滄

THƠ ĐỀ MIẾU
VIÊN TUỐNG HỌ TỔNG

*Tất cánh nhân dân chung tự chủ
Ngụy Hồ hà tất cán tang thương.*

Cuối cùng rồi cũng đến nhân dân
 làm chủ bản thân mình.
Hà tất Ngụy Hồ gây ra chuyện
 tang thương làm gì.

*Cuối cùng rồi cũng dân làm chủ
Bắc Ngụy bày chi cuộc đổi thay.⁽¹⁾*

(1) Theo "Tổng tập Văn học Việt Nam". Tập 36 - NXB Văn Học - 1980.

元 宵

今 夜 元 宵 月 正 圓
春 江 春 水 接 春 天
烟 波 深 處 談 軍 事
夜 半 歸 來 月 滿 船

NGUYỄN TIÊU

*Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên.
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Đạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.*

1948

RÀM THÁNG GIÊNG

Đêm nay, rằm tháng giêng, trăng vừa tròn,
Nước sông xuân tiếp liền với màu trời xuân.
Giữa nơi khói sóng thăm thẳm, bàn bạc
việc quân,
Nửa đêm trở về, thuyền chở đầy ánh trăng.

*Rằm xuân lồng lộng trăng soi,
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.
Giữa dòng bàn bạc việc quân,
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.*

XUÂN THỦY dịch

報 捷

月 推 窗 問 詩 成 未
軍 務 仍 忙 未 做 詩
山 樓 鐘 響 驚 秋 夢
正 是 聯 區 報 捷 時

BÁO TIỆP

Nguyệt thôi song vấn : - Thi thành vị ?

- Quân vụ nhưng mang vị tố thi.

Sơn lâu chung hưởng kinh thu mộng,

Chính thị Liên khu báo tiếp thì.

1948

TIN THẮNG TRẬN

Trăng đẩy cửa sổ hỏi : - Thơ xong chưa ?
- Vẫn còn bận việc quân, chưa làm thơ được.
Bỗng tiếng chuông ở lâu trên núi khua tỉnh
giác mộng đêm thu,
Vừa hay là lúc có tin thắng trận ở Liên khu
báo về.

*Trăng vào cửa sổ đòi thơ,
- Việc quân đang bận, xin chờ hôm sau,
Chuông lầu chợt tỉnh giấc thu,
Ấy tin thắng trận Liên khu báo về.*

HUY CẬN dịch

贈 裴 公

看書山鳥棲窗杆
批札春花照硯池
捷報頻來勞驛馬
思公即景贈新詩

TẶNG BÙI CÔNG

*Khán thư sơn diều thê song hãn,
Phê trát xuân hoa chiếu nghiên trì,
Tiệp báo tần lai lao dịch mã,
Tư công tức cảnh tặng tân thi.*

1948

TĂNG CƯ BÙI

Khi xem sách, chim rừng đậu ở song cửa sổ,
Lúc phê công văn, dóa hoa xuân soi bóng
trong nghiên mực
Luôn luôn phải về báo tin thắng trận, con
ngựa trạm cũng vất vả,
Nhớ cụ, vừa tức cảnh thành bài thơ gửi
tăng cụ.

Xem sách, chim rùng vào cửa dậu,
Phê văn, hoa núi ghé nghiêng soi.
Tin vui thắng trận đồn chân ngựa,
Nhớ cu thơ xuân tặng một bài.⁽¹⁾

(1) Bản dịch - Hồ Chí Minh - thơ NXB Văn Học - HN 1975.

鐵石一心扶種族
 江山萬里守城池
 知公國事無餘暇
 操筆仍成退虜詩

CỤ BUI BẰNG ĐOÀN HỌA LẠI

*Thiết thạch nhất tâm phù chủng tộc,
 Giang sơn vạn lý thủ thành trì.
 Trí công quốc sự vô dư hạ,
 Thao bút nhưng thành thoái lộ thi.*

Sắt đá một lòng nâng đỡ nòi giống
Non sông muôn dặm gửi cõi bờ.
Biết cụ bạn việc nước, không còn thì giờ rảnh,
Nhưng cần đến bút vẫn thành những câu thơ
đẩy lùi được quân giặc.

Dịch thơ :

*Sắt đá một lòng vì chủng tộc,
Non sông muôn dặm giữ cơ đồ.
Biết người việc nước không hề rảnh,
Vung bút thành thơ đuổi giặc thù.*

Hồ Chí Minh - Thơ
Nhà xuất bản Văn Học - Hà Nội 1975

公武贈

我中孝忠慰公句功
尋言盡盡欣思一成
公一願願我我只必
里感民國來去公戰
千百事事公公贈抗

TẶNG VÕ CÔNG ⁽¹⁾

*Thiên lý công tầm ngã,
Bách cảm nhất ngôn trung.
Sự dân nguyện tận hiếu,
Sự quốc nguyện tận trung.
Công lai ngã hân hỉ,
Công khứ ngã tư công.
Tặng công chỉ nhất cú :
Kháng chiến tất thành công.*

1948

TẶNG CỤ VÕ

Đường xa, nghìn dặm cụ đến tìm tôi,
Biết bao tình cảm ngụ trong một lời nói !
Thờ dân mong sao hết đạo hiếu,
Thờ nước mong sao hết đạo trung.
Cụ đến, tôi mừng rỡ,
Cụ về, tôi lại nhớ cụ,

(1) Võ Liêm Sơn (1888 - 1949) là một nhân sĩ yêu nước, người xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Chỉ xin tặng cụ một câu này.
"Kháng chiến nhất định thành công."

*Ngàn dặm cụ tìm đến,
Một lời trăm cảm thông !
Thờ dân tròn đạo hiếu,
Thờ nước vẹn lòng trung.
Cụ đến, tôi mừng rỡ,
Cụ đi, tôi nhớ nhung.
Một câu xin tặng cụ :
"Kháng chiến ắt thành công".⁽¹⁾*

(1) Hồ Chí Minh - thơ, NXB Văn Học, HN - 1975.

秋 夜

籌劃更深漸得閒
秋風秋雨報秋寒
忽聞秋笛山前響
遊擊歸來酒未殘

THU ĐẠ

*Trù hoạch canh thâm tiệm đắc nhàn,
Thu phong thu vũ báo thu hàn.
Hốt văn thu địch sơn tiền hưởng,
Du kích quy lai tửu vị tàn.*

1948

ĐÊM THU

Bàn tính công việc, mãi đến canh khuya
mới tạm được nghỉ ngơi,
Mưa gió mùa thu báo tin tiết thu lạnh
đã đến.
Chợt nghe tiếng sáo thu từ phía trước núi
vọng lại,
Bộ đội, du kích vừa về, cuộc rượu chưa tàn.

*Bàn việc canh chầy mới tạm ngơi,
Gió mưa thu báo lạnh thu rồi.
Còi thu bỗng rúc vang từng núi,
Du kích về thôn, rượu chưa vui.⁽¹⁾*

(1) Bản dịch : Hồ Chí Minh - thơ - NXB Văn Học, HN - 1975.

無 題

山 徑 客 來 花 滿 地
叢 林 軍 到 鳥 衝 天
軍 機 國 計 商 談 了
携 桶 偕 帝 灌 菜 園

VÔ ĐỀ

*Sơn kính khách lai, hoa mãn địa,
Tùng lâm quân đáo, diểu xung thiên.
Quân cơ, quốc kế thương đàm liễu,
Huề dũng giai đồng quán thái viên.*

KHÔNG ĐỀ

Lúc khách lại, trên đường mòn bên núi,
 hoa nở đầy mặt đất,
 Khi bộ đội đến, trong rừng rậm, đàn chim
 bay vút lên trời.
 Việc nước, việc quân bàn bạc xong,
 Xách thùng cùng chú bé ra vườn tưới rau.

Đường non khách tới hoa đầy,
Rừng sâu quân đến, tung bay chim ngàn.
Việc quân, việc nước đã bàn,
Xách bương, dắt trẻ ra vườn tưới rau.

XUÂN THỦY dịch

思 戰 士

更 深 露 急 如 秋 雨
晨 早 霜 濃 似 海 雲
快 送 寒 衫 給 戰 士
陽 光 和 暖 報 新 春

TU CHIẾN SĨ

*Canh thâm lộ cấp như thu vũ,
Thần táo sương nùng tựa hải vân.
Khoái tống hàn sam cấp chiến sĩ,
Dương quang hòa hoãn báo tân xuân.*

NHỚ CHIẾN SĨ

Đêm khuya, móc rơi đôn dập như mưa thu,
Sáng sớm, sương dày đặc như mây mặt biển.
Mau mau gửi áo rét cho chiến sĩ,
Ánh mặt trời ấm áp đã báo trước tin xuân
mới sắp về.

*Đêm khuya móc tựa mưa thu,
Sớm sương dày đặc, mây mù biển dâng.
Mau mau gửi các chiến trường
Áo cho chiến sĩ trên đường lập công.
Mặt trời tỏa ánh nắng hồng,
Báo tin xuân đến, mùa đông sắp tàn.*

SÓNG HỒNG dịch

ĐỐI NGUYỆT

*Song ngoại nguyệt minh lung cổ thụ,
Nguyệt di thụ ảnh đáo song tiền.
Quân cơ, quốc kế thương đàm liễu,
Huề chấm song bàng đối nguyệt miên.*

ĐỐI TRĂNG

Ngoài cửa sổ ánh trăng lồng trên cây cổ thụ,
Ánh trăng nhích dần bóng cổ thụ lại trước
cửa sổ.

Việc quân, việc nước bàn bạc xong rồi,
Xách gối đến bên cửa sổ, nằm ngủ trước
ánh trăng.

*Ngoài song, trăng rọi cây sân,
Ánh trăng nhích bóng cây gần trước song.
Việc quân, việc nước bàn xong,
Gối khuya ngon giấc bên song trăng nhòm.*

NAM TRẦN dịch

登 山

携杖登山觀陣地
萬重山擁萬重雲
義兵壯氣吞牛斗
誓滅豺狼侵略軍

ĐĂNG SƠN

*Huề trượng đăng sơn quan trận địa,
Vạn trùng sơn ủng vạn trùng vân.
Nghĩa binh tráng khí thôn Ngưu Đẩu,
Thệ diệt sài lang xâm lược quân.*

1950

LÊN NÚI

Chống gậy lên núi xem trận địa,
Muôn trùng núi nâng đỡ muôn trùng mây.
Khí mạnh của nghĩa quân ta muốn nuốt cả
sao Ngưu, sao Đẩu,
Thề diệt hết quân xâm lược sói lang.

*Chống gậy lên non xem trận địa,
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây.
Quân ta khí mạnh nuốt Ngưu Đẩu,
Thề diệt xâm lăng lũ sói cầy.*

XUÂN DIỆU dịch

寄陳慶同志

(Chưa tìm được nguyên tác chữ Hán)

GỬ ĐỒNG CHÍ TRẦN CANH ⁽¹⁾

*Khi xưa gặp chú một thanh niên,
Nay chú cầm quân giữ soái quyền.
Trăm vạn hùng binh theo lệnh chú,
Giữ gìn cách mạng cõi Điền biên.*

20-1-1950

(1) Trong bữa tiệc ngày 20-1-1950 với các nhân vật cao cấp của Quân khu Hoa Nam (Trung Quốc), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp lại Trần Canh, Người có viết tặng Trần Canh một bài thơ chữ Hán và đã dịch ngay. (Rất tiếc là đến nay chưa tìm được nguyên tác). Chúng tôi tạm ghi lại bài dịch của chính Người theo lời kể của đồng chí Lê Phát, người tháp tùng Bác lúc ấy và chụp tám ảnh kỷ niệm giữa Bác và Trần Canh.

贈 陳 賡 同 志

香 檳 美 酒 夜 半 杯
飲 欲 琵 琶 馬 上 催
醉 卧 沙 場 君 莫 笑
敵 人 休 放 一 人 回

TẶNG TRẦN CANH ĐỒNG CHÍ ⁽¹⁾

*"Hương tân" mỹ tửu dạ quang bôi,
Dục ẩm tỳ bà mã thượng thôi.
Túy ngộ sa trường quân mạc tiếu,
Địch nhân hưu phóng nhất nhân hồi.*

(1) Tướng Trần Canh là cố vấn quân sự do Đảng Cộng sản Trung Quốc cử sang giúp ta trong chiến dịch Biên Giới.

TẶNG ĐỒNG CHÍ TRẦN CANH

Rượu ngọt "sâm banh" trong chén ngọc
dạ quang.

Sắp uống, tỳ bà trên ngựa đã giục giã.

Say sưa nằm lẫn nơi sa trường, anh đừng
cười nhé !

Chớ để cho một tên địch nào trở về.

"Sâm banh" rượu ngọt chén lưu ly,

Toan nhấp, tỳ bà ngựa giục đi.

Say khướt sa trường cười chớ vội,

Chẳng cho địch thoát một tên về.

PHAN VĂN CÁC dịch

難北京

冀北天心懸皓月
心隨皓月共悠悠
皓月誰分爲兩半
半隨舊友半征夫

LY BẮC KINH

*Ký Bắc⁽¹⁾ thiên tâm huyền hạo nguyệt,
Tâm tùy hạo nguyệt cộng du du.
Hạo nguyệt thùy phân vi lưỡng bán ?
Bán tùy cựu hữu, bán chinh phu.*

(1) Ký Bắc : Miền Bắc tỉnh Hà Bắc Trung Quốc.

RỜI BẮC KINH

Giữa lòng trời Ký Bắc treo vàng trắng
sáng trắng,
Lòng ta theo trăng sáng cùng man mác.
Vàng trắng sáng kia ai chia làm hai nửa,
Một nửa theo cùng bạn cũ, một nửa soi
khách đường trường.

*Trời Ký Bắc treo vàng trắng rọi,
Lòng theo trăng vời vọi sáng ngời.
Vàng trắng ai xẻ làm đôi,
Nửa theo bạn cũ, nửa soi lối hành..*

PHAN VĂN CÁCH dịch

過 湖 北

我 去 田 間 都 白 雪
我 來 田 麥 已 青 青
明 天 機 械 替 木 械
億 兆 農 家 樂 太 平

QUÁ HỒ BẮC ⁽¹⁾

*Ngã khứ điền gian đô bạch tuyết,
Ngã lai điền mạch dĩ thanh thanh.
Minh thiên cơ giới thế mộc giới,
Ưc triệu nông gia lạc thái bình.*

12-3-1950

(1) Hồ Bắc : Một tỉnh ở khoảng giữa lưu vực Trường Giang, phía bắc hồ Động Đình.

QUA HỒ BẮC

Khi ta đi ngoài đồng toàn là tuyết trắng,
Nay ta về lúa mạch ngoài đồng đã
xanh xanh.

Ngày mai có cây máy thay thế cho cây gổ,
Úc triệu gia đình nông dân vui hưởng cảnh
thái bình.

*Đồng ruộng khi đi đầy tuyết trắng,
Nay về lúa mạch đã xanh xanh.
Ngày mai cây máy thay cây gổ,
Úc triệu nhà nông hưởng thái bình.*

PHAN VĂN CÁC dịch

過長沙

長沙過去是沙場
一塊樓臺一點傷
中國而今已解放
長沙此後免桑蒼

THẬP TAM TẢO, QUÁ TRƯỜNG SA ⁽¹⁾

*Trường Sa quá khứ thị sa trường,
Nhất khối lâu đài nhất điểm thương.
Trung Quốc nhi kim dĩ giải phóng,
Trường Sa thử hậu miễn tang thương.*

(1) Trường Sa : Tỉnh lỵ Hồ Nam (Trung Quốc).

SỐM MUỖI BA, QUA TRƯỜNG SA

Trường Sa ngày trước là bãi sa trường,
Mỗi tòa lâu đài kia là một vết thương.
Ngày nay Trung Quốc đã được giải phóng,
Trường Sa từ nay về sau sẽ thoát khỏi cảnh
đói dòi dâu bể.

*Trường Sa ngày trước chốn sa trường,
Mỗi dãy lâu đài một vết thương,
Trung Quốc ngày nay đã giải phóng,
Trường Sa sẽ hết cảnh tang thương.*

PHAN VĂN CÁCH dịch

午過遷江

到遷江說遷江
遷江江岸滿春霜
千輛敵車成黑燼
紅軍直到鎮南關

NGO QUÁ THIÊN GIANG ⁽¹⁾

*Đáo Thiên Giang, thuyết Thiên Giang,
Thiên Giang giang ngạn mãn xuân sương.
Thiên lưỡng địch xa thành hắc tận,
Hồng quân trực đáo Trấn Nam Quan.*

(1) Thiên Giang : Một huyện của tỉnh Quảng Tây.

BUỔI TRƯA QUA THIÊN GIANG

Đến Thiên Giang thì nói chuyện
Thiên Giang,
Trên bờ Thiên Giang, sương xuân đã
phủ đầy.
Hàng ngàn chiếc chiến xa của địch đều hóa
thành tro đen.
Hồng quân tiến thẳng đến Trấn Nam Quan.

*Đến Thiên Giang kể chuyện Thiên Giang,
Xuân tới bờ sông bát ngát sương.
Xe thù ngàn cỗ thành tro xám,
Hồng quân thẳng đến Trấn Nam Quan*

PHAN VĂN CÁC dịch

近 龍 州

遠 隔 龍 州 三 十 里
已 聞 砲 響 與 機 聲
越 南 民 衆 真 英 勇
抗 戰 必 勝 建 國 必

CẬN LONG CHÂU ⁽¹⁾

*Viễn cách Long Châu tam thập lý,
Dĩ văn pháo hưởng dữ cơ thanh.
Việt Nam dân chúng chân anh dũng,
Kháng chiến tất thắng, kiến quốc tất thành.*

29-3-1950

(1) Long Châu : Một huyện của tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) giáp với Việt Nam.

ĐẾN GẦN LONG CHÂU

Cách xa Long Châu ba mươi dặm,
Đã nghe tiếng đại bác vang dội và tiếng
máy bay gầm rú.
Dân chúng nước Việt Nam thật là anh dũng,
Kháng chiến nhất định thắng lợi, kiến quốc
nhất định thành công.

*Còn cách Long Châu ba chục dặm,
Nghe tàu bay rú, pháo gầm rung.
Nhân dân nước Việt anh hùng thật,
Diệt thù, dựng nước ắt thành công.*

PHAN VĂN CÁC dịch

七 九

人 未 五 旬 常 嘆 老
我 今 七 九 正 康 強
自 供 清 淡 精 神 爽
做 事 從 容 日 月 長

THẤT CỬU (*)

*Nhân vị ngũ tuần thường thán lão,
Ngã kim thất cửu chính khang cường.
Tự cung thanh đạm tinh thần sảng,
Tố sự thung dung nhật nguyệt trường.*

1953

(*) Tức là bảy lần chín (sáu ba). Dịch là sáu mươi ba tuổi.

SÁU MƯỜI BA TUỔI

Thường người ta chưa đến năm mươi tuổi
đã tự than già,
Mình nay sáu mươi ba tuổi, vẫn đang
khỏe mạnh.
Sống cách thanh đạm, tinh thần sáng suốt,
Làm việc thông dong, ngày tháng dài.

*Chưa năm mươi đã kêu già,
Sáu ba, mình vẫn nghĩ là đương trai.
Sống quen thanh đạm nhẹ người,
Việc làm thoáng rộng ngày dài ung dung.*

XUÂN THỦY dịch

尋 友 未 遇

百 里^{*} 尋 君 未 遇 君
馬 蹄 踏 碎 嶺 頭 雲
歸 來 偶 過 山 梅 樹
每 朵 黃 花 一 點 春

* 註：實六十公里

TÀM HỮU VỊ NGỘ^(*)

*Bách lý⁽¹⁾ tìm quân vị ngộ quân,
Mã đề đạp toái linh đầu vân.
Quy lai ngẫu quá sơn mai thụ,
Mỗi đóa hoàng hoa nhất điểm xuân.*

(*) Theo cuốn *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh*. NXB Văn Học, Hà Nội 1990.

(1) Thực lục thập công lý - Chú thích của tác giả - Thực ra là 60 km.

TÌM BẠN KHÔNG GẶP

Trăm dặm tìm anh mà chẳng gặp anh,
Vó ngựa dầm võ những áng mây trên
đâu núi.

Trở về, tình cờ qua một cây mai rừng.
Mỗi đóa hoa vàng là một điểm xuân.

*Trăm dặm tìm không gặp cố nhân,
Mây dèo dắm võ, ngựa chồn chân.
Đường về chợt gặp cây mai núi,
Mỗi đóa hoa vàng, một nét xuân.*

PHAN VĂN CÁC dịch

咏 萬 里 長 城

聽 說 長 城 萬 里 長
頭 連 東 海 尾 西 疆
幾 千 百 萬 勞 動 者
建 築 斯 城 鎮 一 方

VINH VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH

*Thính thuyết Trường Thành vạn lý trường,
Đầu liên Đông Hải, vĩ Tây Cương.
Kỷ thiên bách vạn lao động giả,
Kiến trúc tư thành trấn nhất phương !*

7-1955

VỊNH VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH

Nghe nói thành này dài vạn dặm,
Đầu từ Đông Hải, đuôi đến Tây Cương.
Hàng mấy trăm nghìn vạn người dân
lao động
Đắp nên thành này để trấn giữ một phương.

*Nghe nói Trường Thành vạn dặm trường,
Chạy từ Đông Hải đến Tây Cương.
Hàng bao nhiêu triệu người lao động
Xây đắp thành này trấn một phương !⁽¹⁾*

(1) Hồ Chí Minh - thơ - NXB Văn Học HN - 1975.

全民搞躍進

全民搞躍進
滿地插紅旗
農業共彥化
就是太平時

TOÀN DÂN CỎ DƯỢC TIẾN

*Toàn dân cỏ dược tiến
Mãn địa sấp hồng kỳ
Nông nghiệp cộng sản hóa
Tự thị thái bình thì.*

TOÀN DÂN CÙNG TIẾN VỌT

Toàn dân cùng tiến vọt
Cờ đỏ cắm khắp nơi
Nông nghiệp cộng sản hóa
Đó là thời thái bình.

望天山

遙望天山風景好
紫霞白雪抱青山
朝陽初出赤如火
萬道紅光照世間

VỌNG THIÊN SAN ⁽¹⁾

*Dao vọng Thiên San phong cảnh hảo,
Tử hà, bạch tuyết bảo thanh san.
Triều dương sơ xuất xích như hỏa,
Vạn đạo hồng quang chiếu thế gian.*

7-1959

(1) Thiên San là dãy núi lớn khởi đầu từ huyện Sơ Lặc tỉnh Tân Cương, chia ngang tỉnh này thành Thiên San Bắc Lộ và Thiên San Nam Lộ, phía đông đến huyện Trấn Tây, lại có một nhánh lên phía bắc đến tận Tháp Thành. Núi này xưa gọi là Bắc Kỳ Liên San, đời Đường gọi là Chiết La Mạn San, thế núi hùng vĩ quanh năm tuyết phủ nên cũng có tên Tuyết San, Bạch San.

TRÔNG THIÊN SƠN

Xa xa trông núi Thiên Sơn, phong cảnh
thật đẹp.
Ráng tía, tuyết trắng ôm lấy ngọn núi xanh.
Mặt trời buổi sáng ló ra đỏ rực như lửa,
Muôn tia ánh hồng soi khắp thế gian.

*Xa ngắm Thiên Sơn phong cảnh đẹp :
Ráng đào, tuyết trắng ấp non lam.
Mặt trời mới mọc đỏ như lửa,
Muôn ánh hồng soi khắp thế gian.*

KHƯƠNG HỮU DỤNG dịch

桂 林 風 景

桂 林 風 景 甲 天 下
如 詩 中 畫 畫 中 詩
山 中 樵 父 唱
江 上 客 船 歸
奇

胡 志 明

一 九 六 一 年 五 月

QUẾ LÂM PHONG CẢNH

*Quế Lâm phong cảnh giáp thiên hạ,
Như thi trung họa họa trung thi.
Sơn trung tiều phu xướng,
Giang thượng khách thuyền quy.
Kỳ !*

Nhất cửu lục nhất niên
Ngũ nguyệt thập nhị nhật

PHONG CẢNH QUẾ LÂM

Phong cảnh Quế Lâm đẹp bậc nhất trong
thiên hạ,
Khác nào tranh vẽ trong thơ, thơ trong
tranh vẽ.
Trên núi, những người hái củi ca hát,
Dưới sông, thuyền khách trở về...
Thật kỳ lạ.

12-5-1961

*Quê Lâm phong cảnh tuyệt vời,
Thơ đan trong họa, họa cài trong thơ.
Tiều phu trên núi hát ca,
Dưới sông thuyền khách vào ra : diệu kỳ !*

PHAN VĂN CÁC dịch

咏太湖

西 湖 不 比 太 湖 美
太 湖 更 比 西 湖 寬
漁 舟 來 去 朝 陽 暖
桑 稻 滿 田 花 滿 山

VINH THÁI HỒ

*Tây Hồ bất tỷ Thái Hồ mỹ,
Thái Hồ cánh tỷ Tây Hồ khoan.
Ngư chu lai khứ triều dương noãn,
Tang đạo mãn điền, hoa mãn san.*

VỊNH THÁI HỒ

Tây Hồ không đẹp bằng Thái Hồ,
Thái Hồ rộng hơn Tây Hồ.
Thuyền đánh cá đi lại trong nắng sớm ấm áp,
Ruộng thì đầy dâu, lúa, núi thì đầy hoa.

*Tây Hồ khôn sánh Thái Hồ đẹp,
Thái Hồ rộng vượt Tây Hồ xa.
Thuyền cá đi, về trong nắng sớm,
Ruộng đầy dâu lúa, núi đầy hoa.*

KHUƠNG HỮU DỤNG dịch

訪曲阜

五月十九訪曲阜
古松古廟雨依稀
孔家勢力今何在
只剩斜陽照古碑

PHÒNG KHÚC PHỤ

*Ngũ nguyệt thập cửu phòng Khúc Phụ,
Cổ tùng, cổ miếu lưỡng y hy.
Khổng gia thế lực kim hà tại ?
Chỉ thặng tà dương chiếu cổ bi.*

1965

THĂM KHÚC PHỤ

Ngày mười chín tháng năm đến thăm

Khúc Phụ

Tùng già, miếu cũ vẫn còn như xưa.

Thế lực của họ Khổng bây giờ đâu nhỉ ?

Chỉ còn tro tẩm bia cũ dưới bóng chiều tà.

Mười chín tháng năm thăm Khúc Phụ,

Miếu xưa vẫn dưới bóng tùng xưa.

Uy quyền họ Khổng giờ đâu nhỉ ?

Lấp loáng bia xưa chút ánh tà.

ĐẶNG THAI MAI dịch

黃山日記

六首

其一

黃山社員多種茶
茶葉潤澤香味多
東西南北遊山客
飲杯山茶聽山歌

HOÀNG SƠN NHẬT KÝ⁽¹⁾ (LỤC THỦ)
KỲ NHẤT

*Hoàng Sơn xã viên đa chủng trà,
Trà diệp nhuận trạch hương vị đa,
Đông tây nam bắc du sơn khách,
Âm bôi sơn trà thính sơn ca.*

NHẬT KÝ HOÀNG SƠN (6 BÀI)
BÀI THỨ NHẤT

Xã viên Hoàng Sơn trồng nhiều chè,
Lá chè đượm đà nhiều hương vị.
Khách dạo chơi núi từ khắp miền đông tây
nam bắc,
Uống chén chè thơm, lắng nghe điệu dân ca
miền núi.

I

*Hoàng Sơn công xã nhiều trà,
Vị trà dịu mát, đậm đà hương bay.
Khách du nam bắc đông tây,
Trà thơm cạn chén, nghe bài sơn ca.*

PHAN VĂN CÁC dịch

(1) Hoàng Sơn : Một trong những khu du lịch và điều dưỡng nổi tiếng Trung Quốc, thuộc địa phận tỉnh An Huy.

其二

黃山小孩真乖乖
見我就問伯伯好
頰如蘋果嘴如花
對我感情真濃厚

KỶ NHỊ

*Hoàng Sơn tiểu hài chân quai quai,
Kiến ngã tặc vấn "Bá bá hảo"
Giáp như táo quả, chuỳ như hoa,
Đối ngã cảm tình chân nồng hậu.*

BÀI THỨ HAI

Các cháu bé ở Hoàng Sơn thật là ngoan,
Thấy tôi đều chào : "Cháu chào Bác ạ !".
Má như quả táo, miệng như hoa,
Tình cảm đối với tôi thật là nồng hậu.

II

*Hoàng Sơn các cháu thật là ngoan,
Hễ gặp tôi : "Cháu chào Bác ạ !".
Má như táo chín, miệng như hoa,
Tình cảm với tôi nồng thắm quá.*

PHAN VĂN CÁC dịch.

其三

黃山風景非常好
一天下雨五天晴
朝隨新客送老客
夜聽泉聲和鳥聲

KỶ TAM

*Hoàng Sơn phong cảnh phi thường hảo,
Nhất thiên hạ vũ ngũ thiên tình.
Triêu tùy tân khách tống lão khách,
Đạ thính tuyên thanh họa diếu thanh.*

BÀI THỨ BA

Cảnh núi ở Hoàng Sơn đẹp lạ thường,
Một ngày mưa, năm ngày tạnh ráo.
Sáng sớm theo khách mới đi tiễn khách cũ,
Đêm nghe tiếng suối đáp lại tiếng chim.

III

*Hoàng Sơn cảnh núi đẹp thay,
Năm ngày nắng hửng, một ngày mưa sa,
Sớm mai đưa đón khách xa,
Đêm nghe tiếng suối vắng hoà tiếng chim.*

PHAN VĂN CÁCH dịch

其四

董公贈我以長詩
我欲作詩奉和之
可是抗美援朝事
完全佔領我心思

KỶ TỨ

*Đổng công tặng ngã dĩ trường thi,
Ngã dục tác thi phụng hoạ chi
Khả thị kháng Mỹ cứu quốc sự,
Hoàn toàn chiếm lĩnh ngã tâm tư (tư).*

BÀI THỨ TƯ

Cụ Đồng tặng tôi bài thơ dài,
Tôi muốn làm thơ kính họa lại cụ.
Nhưng công việc chống Mỹ cứu nước,
Đã hoàn toàn chiếm lĩnh tâm tư tôi.

IV

*Cụ Đồng tặng tôi bài thơ dài,
Tôi muốn làm thơ họa lại Người,
Nhưng việc nước nhà đang chống Mỹ,
Hoàn toàn chiếm trọn trái tim tôi.*

PHAN VĂN CÁC dịch.

其五

安徽自古多豪傑
誰比英雄新四軍
黨軍到處除強暴
從此工人作主人

KỶ NGŨ

*An Huy tự cổ đa hào kiệt,
Thùy tỷ anh hùng Tân tứ quân.⁽¹⁾
Đảng quân đáo xứ trừ cường bạo,
Tòng thử công nhân tác chủ nhân.*

BÀI THỨ NĂM

An Huy từ xưa vốn có nhiều hào kiệt,
Có ai sánh được với Tân tứ quân anh hùng !
Quân đội của Đảng khắp nơi trừ khử cường
bạo,
Từ nay công nhân thành chủ nhân.

V

*An Huy tự cổ bao hào kiệt,
Hào kiệt ai bằng Tân tứ quân !
Theo Đảng khắp nơi trừ cường bạo,
Làm chủ từ nay là công nhân.*

PHAN VĂN CÁC dịch.

(1) Tân tứ quân : Lực lượng vũ trang cách mạng kháng Nhật dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, cùng với Bất lộ quân là tiền thân của Giải phóng quân Trung Quốc.

其 六

地 方 同 志 太 客 氣
對 我 們 無 微 不 至
幾 乎 天 天 去 參 觀
晚 晚 請 我 們 看 戲

KỶ LỤC

*Địa phương đồng chí thái khách khí,
Đối ngã môn vô vi bất chí.
Cơ hồ thiên thiên khứ tham quan,
Vãn vãn thỉnh ngã môn khán hý.*

BÀI THỨ SÁU

Các đồng chí ở địa phương rất quý trọng
khách,
Đối với chúng tôi chu đáo từng li từng tí.
Hầu như ngày nào cũng đi tham quan,
Tối tối lại mời chúng tôi xem kịch.

VI

*Đồng chí địa phương thật quý khách,
Với chúng tôi chu đáo hết cách.
Ngày nào cũng được đi tham quan,
Tối tối lại còn mời xem kịch.*

PHAN VĂN CÁCH dịch.

寄毛主席

欣聞您暢泳長江
群眾歡呼您健康
我在越南忙抗美
遙祝您萬壽無疆

KÝ MAO CHỦ TỊCH ⁽¹⁾

*Hân văn Nhân sướng vịnh Trường Giang,
Quần chúng hoan hô Nhân kiện khang.
Ngã tại Việt Nam mang kháng Mỹ,
Dao chúc Nhân "vạn thọ vô cương".*

1966

(1) Bài Ký Mao Chủ tịch đăng trên Nhân Dân nhật báo (Trung Quốc) số ra ngày 9 - 8 1966.

GỬI MAO CHỦ TỊCH

Mừng nghe Người bơi lội thoả thích ở
Trường Giang,
Quần chúng reo vui thấy Người khoẻ mạnh.
Tôi ở Việt Nam đang bận đánh Mỹ,
Từ xa tôi chúc Người "vạn thọ vô cương"

*Vui nghe Người bơi thoả Trường Giang,
Quần chúng mừng Người được kiện khang.
Tôi ở Việt Nam lo đánh Mỹ,
Xa chúc Người "vạn thọ vô cương".*

PHAN VĂN CÁC dịch.

無題

三年不吃酒吹煙
人生無病是真仙
喜見南方連大勝
一年四李都春天

VÔ ĐỀ

*Tam niên bất ngật tửu xuy yên,
Nhân sinh vô bệnh thị chân tiên,
Hỷ kiến Nam phương liên đại thắng,
Nhất niên tứ quý độ xuân thiên.*

3 - 1968

KHÔNG ĐỀ

Đã ba năm rồi không uống rượu, không hút
thuốc lá,
Ở đời không ốm đau chính là tiên thật sự !
Mừng thấy miền Nam thắng lớn liên tiếp,
Một năm cả bốn mùa đều là xuân.

*Thuốc kiêng, rượu cũ đã ba năm,
Không bệnh là tiên, sướng tuyệt trần,
Mừng thấy miền Nam luôn thắng lớn,
Một năm là cả bốn mùa xuân.*

KHUƠNG HỮU DỤNG dịch

“二 勿”

原 註：大 夫 同 志 們 勸
喻 二 勿：勿 吸
煙、勿 吃 酒
自 己 題 詩 爲 證
無 煙 無 酒 過 新 春
易 使 詩 人 化 俗 人
夢 裏 吸 煙 吃 美 酒
醒 來 更 奮 振 精 神

NHỊ VẬT

(Nguyên chú: Đại phu đồng chí môn khuyến dụ "nhị vật": vật hấp yên, vật ngất tửu, tự kỷ đề thi vi chứng.)

Vô yên, vô tửu quá tân xuân,
Dị sử thi nhân hoá tục nhân.
Mộng lý hấp yên ngất mỹ tửu,
Tỉnh lai cánh phấn chấn tinh thần.

"HAI CHỜ"

(Lời dẫn của tác giả :

Các đồng chí bác sĩ khuyên "hai chờ" : chờ hút thuốc lá, chờ uống rượu. Tự mình để thơ làm chứng.)

Đón mừng xuân mới mà không có thuốc lá,
không có rượu.
Rất dễ khiến cho nhà thơ hoá ra người
phàm tục.
Trong giấc mộng thấy mình được hút thuốc
lá và uống rượu ngon,
Lúc tỉnh ra tỉnh thân thêm phần chán.

*Thuốc không, rượu chẳng có mừng xuân,
Dễ khiến thi nhân hoá tục nhân.
Trong mộng thuốc thơm và rượu ngọt,
Tỉnh ra thêm phần chán tỉnh thân.*

PHAN VĂN CÁC dịch.

戊申春節

四月百花開滿園
紅紅紫紫互爭妍
白鳥捉魚湖裏去
黃鶯飛上天
天上閒雲來又去
忙把南方捷報傳

MẬU THÂN XUÂN TIẾT

*Tứ nguyệt bách hoa khai mãn viên,
Hong hong tử tử hồ tranh nghiên.
Bạch điểu tróc ngư hồ lý khứ,
Hoàng oanh phi thượng thiên.
Thiên thượng nhàn vân lai lại khứ ;
Mang bả Nam phương tiệp báo truyền.*

14 - 4 - 1968

TIẾT XUÂN MẬU THÂN

Tiết tháng tư trăm loài hoa nở đầy vườn,
Đỏ đỏ, tía tía, hoa đua nhau phô vẻ tươi.
Có con chim trắng sà xuống hồ để bắt cá,
Chim hoàng oanh thì lại bay thẳng lên trời.
Trên trời, những áng mây thong thả bay đến
rồi bay đi,
Lòng rộn lên tin thắng trận ở miền Nam
báo về.

14 - 4 - 1968

*Tháng tư hoa nở một vườn đầy,
Tía tía hồng hồng đua sắc tươi.
Chim trắng xuống hồ tìm bắt cá,
Hoàng oanh vút tận trời.
Trên trời mây đến rồi đi,
Miền Nam thắng trận báo về tin vui.*

PHAN VĂN CÁC dịch.

NHẬT KÝ TRONG TÙ

(Bản dịch trọn vẹn)

身體在獄中
精神在獄外
欲成大事業
精神更要大

BỐN CÂU ĐỀ TỪ

*Thân thể tại ngục trung,
Tinh thần tại ngục ngoại;
Dục thành đại sự nghiệp,
Tinh thần cánh yếu đại ⁽¹⁾.*

BỐN CÂU ĐỀ TỪ

Thân thể ở trong ngục,
Tinh thần ở ngoài ngục;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.

*Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao ;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.*

NAM TRẦN dịch

(1) Trong nguyên bản, bốn câu thơ này không có dấu đề, chép ở ngoài bìa tập *Ngục trung nhật ký* cùng hình vẽ hai tay bị xiềng, có lẽ được tác giả coi như một lời đề từ cho toàn tập.

開卷

老夫原不愛吟詩
因為囚中無所為
聊借吟詩消永日
且吟且待自由時

KHAI QUYỀN

*Lão phu nguyên bất ái ngâm thi,
Nhân vị tù trung vô sở vi ;
Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật,
Thả ngâm thả đãi tự do thì.*

MỞ ĐẦU TẬP NHẬT KÝ

Già này vốn không thích ngâm thơ,
Nhân vì trong ngực không có gì làm ;
Hãy mượn việc ngâm thơ cho qua ngày dài,
Vừa ngâm vừa đợi ngày tự do.

*Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngực biết làm chi đây ;
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.*

NAM TRÂN dịch.

在足榮街被扣留

足榮却使余蒙辱
故意遲延我去程
間諜嫌疑空捏造
把人名譽白牺牲

TẠI TÚC VINH NHAI BỊ KHẨU LƯU

*Túc Vinh khước sử dư móng nhục,
Cố ý trì diên ngã khứ trình ;
Gián điệp hiềm nghi không niết tạo,
Bả nhân danh dự bạch hy sinh.*

BỊ BẮT GIỮ Ở TÚC VINH ⁽¹⁾

Đất tên Túc Vinh mà khiến ta mang
nhục ⁽²⁾,
Cố ý làm chậm trễ hành trình của ta;
Bày đặt ra trò tình nghi gián điệp,
Không dung làm mất danh dự của người.

*Túc Vinh mà để ta mang nhục,
Cố ý dằng dai, chậm bước mình ;
Bịa chuyện tình nghi là gián điệp,
Cho người vô cớ mất thanh danh.*

HUỆ CHI Dịch.

(1) *Túc Vinh* : Tên một phố ở thị trấn huyện Thiên Bảo, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Tác giả bị bắt ở đây ngày 29 tháng Tám năm 1942.

(2) Trong câu thơ này tác giả có dụng ý chơi chữ : Lấy *mòng nhục* "mang nhục" đối lập với *Túc Vinh* (đủ vinh) để làm tăng ý nghĩa mỉa mai hài hước của bài thơ , gián tiếp chế giễu việc bắt người vô lý của nhà cầm quyền Tưởng Giới Thạch.

入靖西縣獄

獄中舊犯迎新犯
天上晴雲逐雨雲
晴雨浮雲飛去了
獄中留住自由人

NHẬP TỈNH TÂY HUYỆN NGỤC

*Ngục trung cựu phạm nghênh tân phạm,
Thiên thượng tình vân trục vũ vân ;
Tình, vũ, phù vân phi khứ liễu,
Ngục trung lưu trú tự do nhân.*

VÀO NHÀ NGỤC HUYỆN
TỈNH TÂY ⁽¹⁾

Trong ngục tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa ;
Mây tạnh, mây mưa, mây đám mây nổi
bay đi hết
Chỉ còn lại người tự do trong ngục.

*Trong lao tù cũ đón tù mới,
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa ;
Tạnh, mưa, mây nổi bay đi hết,
Còn lại trong tù khách tự do.*

NAM TRÂN dịch

(1) Tỉnh Tây : một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, gần biên giới Trung Việt. Tác giả bị bắt ở thị trấn Thiên Bảo, quá Tỉnh Tây mấy chục cây số, nhưng lại bị đưa trở lại Tỉnh Tây giam giữ.

世路難

走遍高山與峻岩
那知平路更難堪
高山遇虎終無恙
平路逢人却被監

二

余原代表越南民
擬到中華見要人

無奈風波平地起
送余入獄作嘉賓

三

忠誠我本無心疚
却被嫌疑做漢奸
處世原來非易易
而今處世更難難

THẾ LỘ NAN

I

*Tẩu biến cao sơn dữ tuấn nham,
Na tri bình lộ cách nan kham ;
Cao sơn ngộ hổ chung vô dạng.
Bình lộ phùng nhân khước bị giam.*

II

*Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân,
Nghĩ đảo Trung Hoa kiến yếu nhân;
Vô nại phong ba bình địa khởi,
Tống dư nhập ngục tác gia tân.*

III

*Trung thành, ngã bản vô tâm cứu,
Khước bị hiểm nghi tố Hán gian;
Xử thế nguyên lai phi dị dị,
Nhi kim xử thế cánh nan nan !*

ĐƯỜNG ĐỜI HIỂM TRỞ

I

Đi khắp non cao và núi hiểm,
Nào ngờ đường phẳng lại khó qua ;
Núi cao gặp hổ rút cục vẫn không việc gì,
Đường phẳng gặp người lại bị bắt !

II

Ta vốn là đại biểu của dân Việt Nam,
Định đến Trung Hoa gặp nhân vật
trọng yếu ;
Không dung đất bằng nổi sóng gió,
Đưa ta vào làm "khách quý" trong tù.

III

Vốn trung thực thành thật , ta không có
điều gì thẹn với lòng,
Thế mà bị tình nghi là Hán gian ;
Việc xử thế vốn không phải là dễ,
Lúc này, xử thế càng khó khăn hơn.

I

*Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao !
Núi cao gặp hổ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người bị tống lao.*

II

*Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm ;
Ai ngờ đất bằng gây sóng gió,
Phải làm "khách quý" tại nhà giam !*

III

*Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,
Lại bị tình nghi là Hán gian ;
Xử thế từ xưa không phải dễ,
Mà nay, xử thế khó khăn hơn.*

NAM TRÂN dịch.

早

太陽每早從牆上
照著籠門門未開
籠裡現時還黑暗
光明却已面前來

二

早起人人爭獵虱
八鐘响了早餐開
勸君且吃一個飽
否極之時必泰來

TẢO

I

*Thái dương mỗi tảo tông tường thượng.
Chiếu trước lung môn, môn vị khai ;
Lung lý hiện thời hoàn hắc ám,
Quang minh khước dĩ diện tiền lai.*

II

*Tảo khởi nhân nhân tranh liệt sắt,
Bát chung hưởng liễu, tảo xan khai ;
Khuyến quân thả ngật nhất cá bão,
Bĩ cực chi thì tất thái lai.*

BUỔI SỚM

I

Mỗi sớm, mặt trời vượt lên khỏi đầu
tường,
Chiếu tới cửa nhà lao , cửa chưa mở ;
Giờ đây trong lao còn đen tối,
Nhưng ánh sáng đã bùng lên phía trước
mặt.

II

Sớm đây, mọi người đua nhau bắt rận,
Chuông điểm tám giờ, bữa cơm sáng
bắt đầu;
Khuyên anh hãy cứ ăn no,
Khổ đến tột cùng, vui ắt tới.

I

*Đầu tường sớm sớm vắng dương mọc,
Chiếu của nhà lao, cửa vẫn cài;
Trong ngục giờ đây còn tối mịt.
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi.*

NAM TRÂN dịch

II

*Sớm đây, người người đua bắt rận,
Tám giờ chuông điểm, bữa cơm mai;
Khuyên anh hãy gắng ăn no bụng,
Bĩ cực rồi ra ắt thái lai.*

NAM TRÂN - XUÂN THUỶ dịch

午

獄中午睡真舒服
一睡昏昏幾句鐘
夢見乘龍天上去
醒時才覺卧籠中

NGO

*Ngục trung ngọ thuy chân thư phục,
Nhất thuy hôn hôn kỷ cú chung ;
Mộng kiến thừa long thiên thượng khứ,
Tỉnh thì tài giác ngoạ lung trung.*

BUỔI TRƯA

Trong nhà lao, giấc ngủ trưa thật khoan
khoái,
Một giấc say sưa suốt mấy tiếng liền;
Mơ thấy cuội rồng bay lên trời,
Khi tỉnh dậy mới biết mình vẫn nằm
trong ngục.

*Trong tù khoan khoái giấc ban trưa.
Một giấc miên man suốt mấy giờ ;
Mơ thấy cười rông lên thượng giới,
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ.*

NAM TRẦN dịch.

問話

社會的兩極
法官與犯人
官曰你有罪
犯曰我良民
官曰你說假
犯曰我言真

法官性本善
假裝惡狠狠
要入人於罪
却假意慇懃
這兩極之間
立着公理神

VẤN THOẠI

*Xã hội đích lương cực,
Pháp quan dĩ phạm nhân;
Quan viết : nhĩ hữu tội,
Phạm viết : ngã lương dân ;
Quan viết : nhĩ thuyết giả.
Phạm viết : ngã ngôn chân;
Pháp quan tính bản thiện,
Giả trang ác ngôn ngân;
Yếu nhập nhân ư tội,
Khước giả ý ân cần;
Giả lương cực chi gian,
Lập trước công lý thần.*

LỜI HỎI

Hai cực của xã hội,
Quan toà và phạm nhân;
Quan bảo : anh có tội,
Phạm nhân thưa : tôi dân lành;
Quan bảo : anh nói dối,
Phạm nhân thưa : tôi nói thật ;
Quan toà tính vốn thiện,
Lại hăm hăm giả làm bộ ác;
Muốn khép người vào tội,
Lại ra vẻ ân cần;
Giữa hai cực này,
Có thần công lý đứng.

*Hai cực trong xã hội,
Quan toà và phạm nhân ;
Quan rằng : anh có tội,
Phạm thưa: tôi lương dân ;
Quan rằng : anh nói dối,
Phạm thưa : thực trăm phần;
Quan toà tính vốn thiện,
Vờ làm bộ dữ dần ;
Muốn khép người vào tội,
Lại ra vẻ ân cần,
Ở giữa hai cực đó,
Công lý đừng làm thân.*

HUỆ CHI dịch

午後

二點開籠換空氣
人人仰看自由天
自由天上神仙客
知否籠中也有仙

NGO HẬU

*Nhị điểm khai lung hoán không khí,
Nhân nhân ngưỡng khán tự do thiên;
Tự do thiên thượng thần tiên khách,
Tri phủ lung trung dã hữu tiên ?*

QUÁ TRƯA

Hai giờ chiều, nhà lao mở cửa đối không
khí,
Mọi người ngẩng lên ngắm trời tự do;
Khách thân tiên trên trời tự do,
Biết chẳng trong tù cũng có tiên ?

*Hai giờ ngục mở thông hơi,
Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do;
Tự do tiên khách trên trời,
Biết chẳng trong ngục có người khách tiên.*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác :

**Hai giờ ngục mở thay không khí,
Ai nấy nhìn lên : trời tự do !
Tiên khách tự do trên thượng giới,
Biết chẳng, tiên cũng ở trong tù ?**

VŨ HUY ĐỘNG dịch

晚

晚餐吃了日西沉
處處山歌與樂音
幽暗靖西禁閑室
忽成美術小翰林

VĂN

*Văn xan ngật liễu, nhật tây trâm,
Xít xít sơn ca dữ nhạc âm;
U ám Tĩnh Tây cấm bế thất,
Hốt thành mỹ thuật tiểu hàn lâm.*

CHIỀU HỒM

Cơm chiều xong, mặt trời lặn về tây,
Khắp nơi, rộn tiếng ca dân dã và tiếng
nhạc ;
Nhà ngục u ám huyện Tĩnh Tây.
Bỗng thành một viện hàn lâm nghệ
thuật nhỏ,

*Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm,
Vang tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm;
Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối,
Bỗng thành nhạc quán viện hàn lâm.*

NAM TRÂN dịch

囚糧

每餐一碗紅米飯
無卦無菜又無湯
有人送飯吃得飽
沒人送飯喊爺娘

TÙ LƯƠNG

*Mỗi xan nhất uyen hồng mễ phạn,
Vô diêm; vô thái; hựu vô thang ;
Hữu nhân tống phạn, ngật đắc bão,
Một nhân tống phạn, hám gia nương.*

CƠM TÙ

Mỗi bữa một bát cơm gạo đỏ,
Không muối , không rau cũng chẳng
 canh ;
Có người đem cơm, được ăn no,
Không người đem cơm , đói kêu cha
 kêu mẹ.

*Không rau, không muối, canh không có.
Mỗi bữa lưng cơm đồ gọi là;
Có kẻ đem cơm còn chắc dạ,
Không người lo bữa đói kêu cha.*

NAM TRÂN - BĂNG THANH dịch

難友吹笛

獄中忽聽思鄉曲
聲轉淒涼調轉愁
千里關河無限感
閨人更上一層樓

NẠN HỮU XUY DỊCH

*Ngục trung hốt thính tư hương khúc,
Thanh chuyển thê lương điệu chuyển sầu;
Thiên lý quan hà vô hạn cảm,
Khuê nhân cánh thương nhất tầng lầu.*

NGƯỜI BẠN TÙ THỐI SÁO

Trong tù bỗng nghe khúc nhạc nhớ quê hương,
Âm thanh trở nên thê lương, tình điệu trở nên sầu muộn ;
Nước non xa cách nghìn trùng, cảm thương vô hạn,
Người khuê phụ lại bước lên một tầng lầu.

*Bỗng nghe trong ngực sáo vi vu,
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu ;
Muôn dặm quan hà, khôn xiết nỗi,
Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác :

**Trong lao vẳng khúc nhạc tình quê,
Âm chuyển sâu thương, điệu tái tê;
Nghìn dặm quan hà, khôn xiết nỗi,
Lên lầu, ai đó, chốn phòng khuê.**

HUỆ CHI dịch

脚間

猙獰餓口似兇神
晚晚張開把脚吞
各人被吞了右脚
只剩左脚能屈伸⁽⁵⁾

二

世間更有離奇事
人們爭先上脚鉗
因為有鉗才得睡
無鉗沒處可安眠

CUỘC ÁP

I

*Tranh ninh ngã khẩu tự hung thần,
Vãn vãn trưng khai bả cước thôn;
Các nhân bị thôn liễu hữu cước,
Chỉ thặng tả cước năng khuất thân.*

II

*Thế gian cánh hữu ly kỳ sự,
Nhân mẫn tranh tiên thượng cước kiếm;
Nhân vị hữu kiếm tài đắc thuy,
Vô kiếm một xứ khả an miên.*

CÁI CÙM

I

Miệng đói dữ tợn như một hung thần,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Người nào cũng bị nuốt chân phải,
Chỉ còn chân trái co duỗi được thôi.

II

Trên đời lại có chuyện thật lạ kỳ,
Mọi người tranh nhau đến trước để
cùm chân;
Vì có cùm chân mới được ngủ,
Không cùm chân thì không chỗ ngủ yên.

I

*Dữ tựa hung thần miệng chực nhai,
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;
Mọi người bị nuốt chân bên phải.
Cò đuổi còn chân bên trái thôi.*

II

*Nghĩ việc trên đời kỳ lạ thật,
Cùm chân sau trước cũng tranh nhau;
Được cùm chân mới yên bề ngủ,
Không được cùm chân biết ngủ đâu ?*

NAM TRÂN dịch

學奕棋

閑⁽⁶⁾坐無聊學奕棋
千兵萬馬共驅馳
進攻退守應神速
高才疾足先得之

二

眼光應大心應細
堅決時時要進攻

錯路雙車也沒用
逢時一卒可成功

三

雙方勢力本平均
勝利終須屬一人
攻守運籌無陋算⁽⁵⁾
才稱英勇大將軍

HỌC DỊCH KỲ

I

*Bế toạ vô liêu học dịch kỳ,
Thiên binh vạn mã cộng khu trì ;
Tiến công thoái thủ ứng thần tốc,
Cao tài tạt túc tiên đắc chi.*

II

*Nhân quang ứng đại tâm ứng tế,
Kiên quyết thì thì yếu tiến công ;
Thác lộ , song xa dã một dụng.
Phùng thời, nhất tốt khả thành công.*

III

*Song phương thế lực bản bình quân,
Thắng lợi chung tu thuộc nhất nhân;
Công thủ vận trù vô lậu toán,
Tài xưng anh dũng đại tướng quân.*

HỌC ĐÁNH CỜ

I

Ngồi trong giam cấm buồn tênh, học
đánh cờ,
Ngành quân muôn ngựa cùng rong ruổi;
Tấn công, lui giữ đều phải thần tốc,
Tài cao, chân nhanh mới được nước trước.

II

Tâm nhìn phải rộng, suy nghĩ phải sâu,
Phải kiên quyết, luôn luôn tấn công ;
Lạc nước, hai xe cũng thành vô dụng,
Gặp thời, một tốt có thể thành công.

III

Thế lực hai bên vốn ngang nhau,
Kết cục thắng lợi thuộc về một người ;
Tính kế đánh hay giữ không sơ hở,
Mới xứng là bậc đại tướng anh dũng.

I

*Tù túng đem cờ học đánh chơi,
Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài;
Tấn công, thoái thủ nên thần tốc,
Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.*

II

*Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ,
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công ;
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công.*

III

*Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành;
Tấn công , phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.*

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch.

望月

獄中無酒亦無花
對此良宵奈若何
人向窗前看明月
月從窗隙看詩家

VỌNG NGUYỆT

*Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.*

NGẮM TRĂNG

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào ?
Người hướng ra trước song ngắm trăng
sáng,
Từ ngoài khe cửa, trăng ngắm nhà thơ.

*Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ;
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

NAM TRÂN dịch.

分水

每人分得水半盆
洗面烹茶各隨便
誰要洗面勿烹茶
誰要烹茶勿洗面

PHÂN THUỶ

*Mỗi nhân phân đắc thủy bán bồn,
Tẩy diện, phan trà các tùy tiện;
Thuỷ yếu tẩy diện, vật phan trà,
Thuỷ yếu phan trà, vật tẩy diện.*



BÁC HỒ

Ký họa: **DƯƠNG BÍCH LIÊN**

CHIA NƯỚC

Mỗi người được chia nửa chậu nước,
Rửa mặt hoặc đun trà, tùy ý mình;
Ai muốn rửa mặt , đừng đun trà,
Ai muốn đun trà , thôi rửa mặt.

*Mỗi người phần nước vừa lưng chậu,
Rửa mặt đun trà tự ý ta;
Ai muốn đun trà, đừng rửa mặt,
Ai cần rửa mặt, chớ đun trà.*

NAM TRÂN - TRẦN ĐẮC THỌ dịch

中秋

中秋秋月圓如鏡
照耀人間白似銀
家裡團圓吃秋節
不忘獄裡吃愁人

二

獄中人也賞中秋
秋月秋風帶點愁
不得自由賞秋月
心隨秋月共悠悠

TRUNG THU

I

*Trung thu thu nguyệt viên như kính,
Chiếu diệu nhân gian bạch tỵ ngân;
Gia lý đoàn viên ngật thu tiết,
Bất vong ngục lý ngật sâu nhân.*

II

*Ngục trung nhân dã thương trung thu,
Thu nguyệt thu phong đới điểm sầu;*

*Bất đắc tự do thưởng thu nguyệt,
Tâm tùy thu nguyệt cộng du du.*

TRUNG THU

I

Trăng trung thu tròn như gương,
Chiếu rọi cõi đời , ánh trăng trắng như bạc;
Nhà ai sum họp ăn tết trung thu,
Chẳng quên người trong ngục nuốt sầu.

II

Người trong ngục cũng thường thức trung
thu,
Trăng thu, gió thu đều vương sầu;

Không được tự do ngắm trăng thu,
Lòng theo cùng trăng thu vời vợi.

I

*Trung thu vánh vạnh mảnh gương thu,
Sáng khắp nhân gian bạc một màu;
Sum họp nhà ai ăn tết đó,
Chẳng quên trong ngục kẻ ăn sầu.*

II

*Trung thu ta cũng tết trong tù,
Trăng gió đêm thu gợn vẻ sầu;
Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt,
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu.*

NAM TRẦN dịch.

賭

民間賭博被官拉
獄裡賭博可公開
被拉賭犯常嗟悔
何不先到這裡來

ĐỒ

*Dân gian đồ bạc bị quan lap,
Ngục lý đồ bạc khả công khai;
Bị lap đồ phạm thường ta hối :
Hà bất tiên đáo giá lý lai ! ?*

ĐÁNH BẠC

Ngoài dân đánh bạc thì bị quan bắt,
Trong tù đánh bạc có thể công khai ;
Con bạc bị tù thường hối tiếc :
Sao không sớm vào quách chốn này !?

*Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội,
Trong tù đánh bạc được công khai;
Bị tù, con bạc ăn năn mãi :
Sao trước không vô quách chốn này !?*

NAM TRÂN dịch

賭犯

公家不給賭犯飯
欲令他們悔前非
硬犯賭饑天天有
窮犯飢寒共淚垂

ĐỒ PHẠM

*Công gia bắt cấp đồ phạm phạm,
Dục linh tha miễn hồi tiền phi;
"Ngạch" phạm hào soạn thiên thiên hữu,
Cùng phạm cơ diên cộng lệ thủy.*

TÙ CỜ BẠC

Nhà nước không phát cơm cho tù cờ bạc,
Muốn cho họ hối cải lỗi trước ;
Nhưng bọn tù "cứng" ⁽¹⁾ ngày nào cũng
 ăn uống rất thịnh soạn,
Còn tù nghèo, đói chảy dãi cùng với nước
 mắt.

*Quan không cấp bữa cho tù bạc,
Để họ mau chừa tội cũ hơn ;
Tù "cứng" ngày ngày no rượu thịt,
Tù nghèo, dãi với lệ cùng tuôn.*

NAM TRẦN - HUỆ CHI dịch

(1) Tù "cứng": chỉ bọn tù sung túc, ngày ngày được người nhà tiếp tế đủ mọi thức ăn ngon.

難友莫某

富家子弟貧家教
賭胆如天胆似針
車大砲才真偉大
在囚仍想吃人參

NẠN HỮU MẠC MỖ

*Phú gia tử đệ, bần gia giáo,
Đổ đảm như thiên, đảm tịt châm ;
"Xa đại pháo" tài, chân vĩ đại,
Tại tù nhưng tưởng ngật nhân sâm.*

BẠN TỪ HỌ MẠC

Con cái nhà giàu mà nghèo giáo dục,
Gan đánh bạc to như trời mà mặt thì nhỏ
như cái kim;
Cái tài huênh hoang khoác lác ⁽¹⁾ thật là
vĩ đại,
Ở tù nhưng vẫn tơ tưởng ăn nhân sâm.

*Con nhà giàu có, nghèo gia giáo,
Đánh bạc gan trời, mặt tựa kim;
"Một tác lên mây", ghê gớm thật,
Ngồi tù mà vẫn ước nhân sâm.*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác :

**Con nhà giàu, giáo dục nghèo,
To "gan đánh bạc", bé teo "gan người" ;
Ba hoa khoác lác thật tài,
Ở tù mà lại cứ đòi ăn sâm.**

KHUÔNG HỮU DUNG dịch.

(1) Nguyên văn *Xa đại pháo* : một thành ngữ ở vùng Quảng Đông có nghĩa như "một tác đến trời".

難友原主任 L
 國家重托鎮邊陲
 胡乃忘公只顧私
 鑄礦常從邊界去
 金錢爐裡鑄因詩

NẠN HỮU NGUYỄN
 CHỦ NHIỆM L.

Quốc gia trọng thác trấn biên thùy,
 Hồ nãi vong công chỉ cố tư (ư) ?
 Thế khoáng thường tòng biên giới khứ,
 Kim tiền lô lý chú tù thi.

BẠN TỪ L.
NGUYÊN LÀ CHỦ NHIỆM

Nhà nước giao cho trọng trách coi giữ
biên thủy,
Sao lại quên việc công, chỉ lo việc tư ?
Quặng "ăng ti moan" thường tuần qua
biên giới.
Bởi thế, lò đúc tiền mới đúc ra bài thơ tù.

*Quốc gia phó thác giữ biên khu,
Sao nhãng việc công, mãi việc tư ?
Quặng thiếc tuần qua biên giới sạch,
Nên lò đúc bạc... đúc thơ tù.*

HUỆ CHI dịch.

雙十日解往天保

家家結綵與張燈
國慶歡聲舉國騰
我却今天被綁解
逆風有意阻飛鵬

SONG THẬP NHẬT
GIẢI VẰNG THIÊN BẢO

Gia gia kết thái dữ trưng dăng,
Quốc khánh hoan thanh cử quốc dăng;
Ngã khước kim thiên bị bang giải,
Nghịch phong hữu ý trở phi bằng.

TẾT SONG THẬP ⁽¹⁾
BỊ GIẢI ĐI THIÊN BẢO ⁽²⁾

Nhà nào nhà ấy kết hoa và treo đèn,
Cả nước reo vui, mừng ngày quốc khánh;
Thế mà hôm nay ta bị trời giải đi,
Ngọn gió ngược cố ý cản đôi cánh
chim bằng.

*Nhà nhà hoa kết với đèn giăng,
Quốc khánh vui reo cả nước mừng;
Lại đúng hôm nay ta bị giải,
Oái oăm gió cản cánh chim bằng.*

NAM TRÂN dịch

(1) *Song thập* : Tức là ngày 10 tháng Mười, quốc khánh nước Trung Hoa Dân quốc trước đây.

(2) Tác giả vốn bị bắt ở thị trấn Thiên Bảo, sau đó bị đưa trở lại giam ở Tĩnh Tây, nay lại bị giải đến Thiên Bảo.

走路

走路才知走路難
重山之外又重山
重山登到高峰後
萬里興亡顧盼間

TÁU LỘ

*Tầu lộ tài tri tàu lộ nan,
Trùng san chi ngoại hựu trùng san;
Trùng san dăng đáo cao phong hậu,
Vạn lý dư đồ cố miện gian.*

ĐI ĐƯỜNG

Có đi đường mới biết đường đi khó,
Hết lớp núi này lại tiếp đến lớp núi khác;
Khi đã vượt các lớp núi lên đến đỉnh cao
chót,
Thì muôn dặm nước non thu cả vào tầm mắt.

*Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.*

NAM TRÂN dịch

暮

倦鳥歸林尋宿樹
孤雲慢慢度天空
山村少女磨包粟
包粟磨完爐已烘

MỘ

*Quyên diểu quy lâm tâm túc thụ.
Cô vân mạn mạn độ thiên không;
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn , lô dĩ hồng.*

CHIỀU TỐI

Chim mỏi về rừng tìm cây ngủ,
Chòm mây lẻ trôi lững lờ trên tầng không;
Thiếu nữ xóm núi xay ngô,
Ngô xay vừa xong, lò than đã đỏ.

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không ;
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng .*

NAM TRẦN dịch

夜宿龍泉

白天雙馬不停蹄
夜晚嘗嘗五味雞
虱冷來機來夾擊
隔隣欣聽曉鶯啼

ĐẠ TÚC LONG TUYỀN

*Bạch thiên " song mã" bất đình đề,
Đạ vãn thường thường "ngũ vị kê";
Sắt lãnh thừa cơ lai giáp kích,
Cách lân hân thính hiễn oanh đề.*

ĐÊM NGỦ Ở LONG TUYẾN ⁽¹⁾

Suốt ngày "đôi ngựa"⁽²⁾ không ngừng vó,
Đêm đến, lại từng ném món "gà năm
vị";⁽³⁾
Rệp và rét thừa cơ xông vào tập kích,
Mừng nghe xóm bên, chim oanh hót
báo sáng.

*"Đôi ngựa" ngày đi chẳng nghỉ chân,
Món "gà năm vị", tối thường ăn;
Thừa cơ rét, rệp xông vào đánh,
Oanh sớm, mừng nghe hót xóm gần.*

NAM TRÂN - HUỆ CHI dịch

(1) *Long Tuyến* : Tên huyện , thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm giữa Thiên Bảo và Điền Đông.

(2) *Đôi ngựa* (song mã) : xe có hai ngựa kéo mà người quyền quý xưa kia thường dùng; chữ "đôi ngựa" ở đây dùng với ý hài hước để chỉ đôi chân tác giả.

(3) *Gà năm vị* (ngũ vị kê) : món ăn sang , ở đây dùng với ý hài hước chỉ đôi chân bị xiềng tréo, giống như ở hiệu ăn thường tréo chân gà để nấu món "gà năm vị".

田東

每餐一碗公家粥
肚子時時在嘆吁
白飯三元不够飽
薪如桂也米如珠

DIỄN ĐÔNG

*Mỗi xan nhất uẩn công gia chúc,
Đỗ tử thì thì tại thán hu;
Bạch phạn tam nguyên bất câu bão,
Tân như quế dã mễ như châu.*

ĐIỀN ĐÔNG ⁽¹⁾

Mỗi bữa được một bát cháo của nhà nước,
Cái bụng luôn luôn than phiền;
Cơm không ba đồng chẳng đủ no,
Củ đất như quế, gạo như châu.

*Cháo từ mỗi bữa chia lưng bát,
Cái bụng luôn luôn rên rỉ sầu;
Cơm nhạt ba đồng ăn chẳng đủ,
Củ thì như quế, gạo như châu.*

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG dịch.

(1) *Điền Đông* : Một địa điểm trên đường bộ từ Tỉnh Tây đi Nam Ninh.

初到天保獄

日行五十三公里
濕盡衣冠破盡鞋
徹夜又無安睡處
廁坑上坐待朝來

SƠ LÃ ÁO THIÊN BẢO NGỤC

*Nhật hành ngũ thập tam công lý,
Thấp tận y quan, phá tận hài;
Triệt dạ hựu vô an thụy xứ,
Xí khanh thượng tọa đãi triều lai.*

MỎI ĐẾN NHÀ LAO THIÊN BẢO ⁽¹⁾

Ngày đi năm mươi ba cây số,
Uớt hết mũ áo, rách hết giày;
Suốt đêm lại không có chỗ ngủ yên,
Ngồi trên hố xí đợi trời sáng.

*Năm mươi ba dặm, một ngày trời,
Áo mũ uớt đầm, dép tả toi;
Lại khổ trâu đêm không chốn ngủ,
Ngồi trên hố xí đợi ban mai.*

HUỆ CHI dịch.

Bản dịch khác :

Ngày cuốc năm mươi ba cột số,
Uớt đầm mũ áo, rách bươm giày;
Trâu đêm lại chẳng nơi yên giấc,
Ngồi trấn cầu tiêu, đợi sáng ngày.

KHUÔNG HỮU DỤNG - NGUYỄN SĨ LÂM dịch

(1) Không hiểu sao bài thơ này lại xếp sau bài Điện Đông có lẽ là hồi ức về quãng đường đi từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo.

難友之妻探監

君在鐵窗裡
妾在鐵窗前
相近在咫尺
相隔似天淵
口不能說的
只賴眼傳言
未言淚已滿
情景真可憐

NẠN HỮU CHI THÊ THẨM GIAM

*Quân tại thiết song lý,
Thiếp tại thiết song tiền;
Tương cận tại chỉ xích,
Tương cách tự thiên uyên;
Khẩu bất năng thuyết đích,
Chỉ lại nhãn truyền nghiên (ngôn);
Vị ngôn lệ dĩ mãn,
Tình cảnh chân khả liên !*

VỢ NGƯỜI BẠN TÙ ĐẾN NHÀ LAO
THĂM CHỒNG

Chàng ở trong song sắt,
Thiếp ở ngoài song sắt ;
Gắn nhau chỉ tắc gang,
Mà cách nhau trời vực ;
Miệng không thốt nên lời,
Chuyển lời nhờ khoé mắt;
Chưa nói nước mắt tràn,
Tình cảnh thật đáng thương !

*Anh ở trong song sắt,
Em ở ngoài song sắt;
Gắn nhau chỉ tắc gang,
Mà cách nhau trời vực !
Miệng nói chẳng nên lời,
Chỉ còn nhờ khoé mắt;
Chưa nói, lệ tuôn tràn,
Tình cảnh ái ngại thật !*

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

各報：歡迎威基大會

同是中國友

同是要赴渝

君為坐上客

我為階下囚

同是代表也

待遇胡懸殊

人情分冷熱

自古水東流

CÁC BÁO : HOAN NGHÊNH
UY-KI ĐẠI HỘI

*Đồng thị Trung Quốc hữu ,
Đồng thị yếu phó Du;
Quân vi toạ thượng khách,
Ngã vi giai hạ tù;
Đồng thị đại biểu dã,
Đãi ngộ hồ huyền thù ?
Nhân tình phân lãnh nhiệt,
Tự cố thuỷ đông lưu !*

CÁC BÁO ĐẢNG TIN : HỘI HỢP LỚN
HOAN NGHÊNH UY-KI ⁽¹⁾

Cùng là bạn Trung Hoa,
Cùng phải đi Trùng Khánh;
Anh là khách ngồi trên,

Tôi là tù dưới thêm;
Cùng là đại biểu cả,
Đối đãi sao quá khác biệt ?
Thối đời thường phân ẩm lạnh,
Từ xưa nước vẫn chảy về đông !

*Cũng là đi Trùng Khánh,
Cũng là bạn Trung Hoa;
Anh, làm khách trên sảnh,
Tôi, thân tù dưới nhà;
Cùng là đại biểu cả,
Khinh trọng sao khác xa ?
Thối thường chia ẩm lạnh,
Về đông nước chảy mà !*

NAM TRÂN dịch

(1) *Uy-kì* : Tức Wendell Willkie, đại biểu Mỹ trong phe đồng minh chống phát xít, đi thăm Trùng Khánh. Lúc ông đi qua Đệ tứ chiến khu Quảng Tây, nhà đương cục tổ chức hội họp chiêu đãi. Bấy giờ Bác Hồ là đại biểu của Việt Nam độc lập đồng minh, cũng là đồng minh của Trung Quốc chống Nhật. Nhưng giới cầm quyền ở Trùng Khánh lại bắt giam Người.

自勉

沒有冬寒憔悴景
將無春暖的輝煌
災殃把我來鍛鍊⁽⁵⁾
使我精神更緊張

TỰ MIỄN

*Một hũu đông hàn tiều tụy cảnh,
Tương vô xuân noãn đích huy hoàng;
Tai ương bả ngã lai đoàn luyện,
Sử ngã tinh thần cánh khẩn trương.*

TỰ KHUYÊN MÌNH

Không có cảnh mùa đông tiêu điều rét
mướt,
Sẽ không có mùa xuân ấm áp huy hoàng;
Tai ương rèn luyện ta,
Khiến cho tinh thần ta càng thêm hăng
hái.

*Ví không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân;
Nghĩ mình trong bước gian truân,
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm
hăng.*

NAM TRÂN dịch

野景

我來之時禾尚青
現在秋收半已成
處處農民顏帶笑
田間充滿唱歌聲

DÃ CẢNH

*Ngã lai chi thì hoà thượng thanh,
Hiện tại thu thu bán dĩ thành;
Xít xít nông dân nhan đới tiếu,
Điền gian sung mãn xướng ca thanh.*

CẢNH ĐỒNG NỘI

Lúc ta đến lúa còn xanh,
Nay vụ gặt đã xong một nửa;
Nơi nơi nông dân mặt mày hớn hờ,
Ruộng đồng tràn đầy tiếng ca hát,

*Tới đây khi lúa còn con gái,
Gặt hái hôm nay quá nửa rồi;
Khắp chốn nông dân cười hớn hờ,
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui.*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác :

**Khi ta mới đến còn xanh lúa,
Vụ gặt bây giờ nửa đã xong;
Khắp chốn nông dân cười hớn hờ,
Câu ca tiếng hát rộn trên đồng.**

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

粥攤

路旁樹影涼陰下
一椽茅芦是酒樓
冷粥白卦供食譜
行人過此暫停留

CHÚC THAN

*Lộ bàng thụ ảnh lương âm hạ,
Nhất duyên mao lư thị "tửu lâu";
Lãnh chúc, bạch diêm cung thực phổ,
Hành nhân quá thử tạm đình lưu.*

HÀNG CHÁO

Dưới bóng cây râm mát bên đường,
Một túp lều tranh : ấy là "tiệm rượu" ;
Cháo nguội và muối trắng làm thành
thực đơn,
Khách đi đường qua đây tạm dừng nghỉ.

*Ven đường nấp dưới bóng lùm cây,
Một túp lều tranh "tiệm rượu" đây;
Này món cháo hoa và muối trắng,
Đường xa, khách tạm nghỉ nơi này.*

NAM TRÂN - HUỆ CHI dịch

米德獄

監房也是小家庭
柴米油卦自己營
每個籠前一個灶
成天煮飯共調羹

QUẢ ĐỨC NGỤC

*Giám phòng dã thị tiểu gia đình,
Sài, mẽ, du, diêm tự kỷ doanh;
Mỗi cá lung tiền nhất cá táo,
Thành thiên chủ phạm dữ điều canh.*

NHÀ LAO QUẢ ĐỨC ⁽¹⁾

Phòng giam cũng là một gia đình nhỏ,
Gạo, củi, dầu, muối, đều tự mình lo sắm;
Trước mỗi phòng giam là một bếp,
Suốt ngày thổi cơm và nấu canh.

*Nhà lao mà giống tiểu gia đình,
Gạo , củi, muối, dầu tự sắm sanh;
Trước mỗi phòng giam bày một bếp,
Suốt ngày lui hụi với cơm, canh.*

HUỆ CHI dịch

(1) Quả Đức : Tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, trên lưu vực sông Hữu Giang, một địa điểm tiếp sau Điền Đông.

隆安劉所長
辦事認真劉所長
人人贊頌你公平
文錢粒米都公布
乾淨因籠好衛生

LONG AN LƯU SỞ TRƯỞNG

*Biện sự nhận chân Lưu sở trưởng,
Nhân nhân tán tụng nhĩ công bình;
Văn tiền lập mẽ đô công bố,
Can tịnh tù lung hảo vệ sinh.*

SỞ TRƯỞNG LONG AN ⁽¹⁾ HỌ LƯU

Sở trưởng họ Lưu giải quyết công việc
thận trọng, đúng đắn.

Mọi người đều khen ông công bằng;
Đồng tiền, hạt gạo đều công bố,
Nhà lao sạch sẽ, hợp vệ sinh.

*Làm việc đúng thay Lưu sở trưởng,
Ai ai cũng bảo bác công bình;
Đồng tiền, bát gạo đều công bố,
Sạch sẽ, lao tù rất vệ sinh.*

NAM TRẦN dịch

(1) *Long An* : Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên sông Hữu Giang. Từ Quả Đức, Bắc Hồ bị giải chèo xuống phía Nam và dọc theo sông Hữu Giang đến Nam Ninh.

早解

一次雞啼夜未闌
群星擁月上秋山
征人已往征途上
迎面秋風陣陣寒

二

東方白色已成紅
幽暗殘餘早一空⁽²²⁾
暖氣色羅全宇宙
行人詩興忽加濃

TẢO GIẢI

I

*Nhất khứ kẻ đề dạ vị lan,
Quần tình ủng nguyệt thưởng thu san;
Chinh nhân dĩ tại chinh đồ thượng,
Nghênh diện thu phong trận trận hàn.*

II

*Đông phương bạch sắc dĩ thành hồng,
U ám tàn dư tảo nhất không;
Noãn khí bao la toàn vũ trụ,
Hành nhân thi hứng hốt gia nông !*

GIẢI ĐI SỚM

I

Gà gáy một lần, đêm chưa tàn,
Chòm sao nâng vầng trăng lên đỉnh núi
mùa thu ;
Người đi xa đã cất bước trên đường xa,
Gió thu táp mặt từng cơn từng cơn lạnh
lẽo.

II

Phương đông màu trắng đã chuyển sang
hồng,
Bóng đêm còn rơi rớt sớm đã hết sạch;
Hơi ẩm bao la khắp vũ trụ,
Người đi thì hứng bỗng thêm nồng.

I

*Gà gáy một lần đêm chưa tan,
Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn;
Người đi cất bước trên đường thăm,
Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn.*

II

*Phương đông màu trắng chuyển sang
hồng,
Bóng tối đêm tàn, sớm sạch không;
Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ,
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.*

NAM TRÂN dịch

同正十一月二日

同正正同平馬獄

每餐一粥肚空空

水和光綫很充足

日日還開兩次籠

ĐỒNG CHÍNH

(Thập nhất nguyệt nhị nhật)

*Đồng Chính chính đồng Bình Mã ngục,
Mỗi xan nhất chúc đồ không không;
Thuỷ hoà quang tuyến hẩn sung túc,
Nhật nhật hoàn khai lương thứ lung.*

ĐỒNG CHÍNH ⁽¹⁾

Nhà lao Động Chính giống hệt nhà lao
 Bình Mã,⁽²⁾
 Mỗi bữa một bát cháo, bụng thường
 rỗng không;
 Nước và ánh sáng thì đầy đủ,
 Mỗi ngày còn hai lần mở cửa buồng
 giam.

NAM TRÂN dịch

難友的紙被

舊卷新書相補綴
紙毡猶煖過無毡
玉床錦帳人知否
獄裡許多人眠

NẠN HỮU ĐÍCH CHỈ BỊ

*Cựu quyển, tân thư tương bổ khuyết,
Chỉ chiên do noãn quá vô chiên;
Ngọc sàng cẩm trướng nhân tri phủ,
Ngục lý hứa đa nhân bất miên ?*

CHIẾC CHĂN GIẤY CỦA
NGƯỜI BẠN TÙ

Quyển cũ , sách mới cùng bồi đắp lại,
Chăn giấy còn ấm hơn không có chăn;
Người trên giường ngọc trướng gấm có
biết chăng,
Trong ngục bao nhiêu người không ngủ ?

*Quyển xưa, sách mới bồi thêm ấm,
Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn;
Trướng gấm, giường ngà, ai có biết,
Trong tù bao kẻ ngủ không an ?*

NAM TRÂN - BĂNG THANH dịch

Bản dịch khác :

Sách xưa vỡ mới khéo đem bồi,
Chăn giấy hơn không đã hẳn rồi;
Giường ngọc màn thêu ai có thấu,
Trong lao không ngủ biết bao người.

HOÀNG NGÂN dịch

夜冷

秋深無褥亦無毡
縮脛弓腰不可眠
月照庭蕉增冷氣
窺窗北斗已橫天

ĐẠ LÃNH

*Thu thâm vô nhục diệp vô chiên,
Súc hĩnh cung yếu bất khả miên;
Nguyệt chiếu đình tiêu tăng lãnh khí,
Khuy song Bắc đẩu dĩ hoành thiên.*

ĐÊM LẠNH

Đêm cuối thu không đậm cũng không chán,
 Nằm co cẳng cong lưng vẫn không
 ngủ được;
 Trăng soi khóm chuối trước sân càng tăng
 thêm khí lạnh,
 Nhòm qua cửa sổ, sao Bắc đẩu đã ngang
 trời.

*Đem thu không dệm cũng không chân,
Gối quắp, lưng cong, ngủ chẳng an;
Khóm chuối, trắng soi càng thấy lạnh.
Nhòm song, Bắc đẩu đã nằm ngang.*

NAM TRÂN (c) h

Bản dịch khác :

Cuối thu càn dệm cũng đều không,
Co quắp n m mà ngủ chẳng xong;
Sân chuối rãng soi thêm lạnh lẽo,
Ngang trời, Bắc đẩu hiện ngoài song.

TRẦN ĐẮC THO dịch

綁

脛臂長龍環繞着
宛如外國武勳官
勳官的是金絲線
我的麻繩一大端

BANG

*Hình tỷ trường long hoàn nhiều trước,
Uyển như ngoại quốc vũ huân quan;
Huân quan đích thị kim ti tuyến,
Ngã đích ma thằng nhất đại đoan.*

DÂY TRÓI

Rồng dài ⁽¹⁾ quấn quanh cẳng chân và
cánh tay,
Giống hết dây tua quan võ nước ngoài,
Dây tua quan võ là tơ kim tuyến,
Còn của ta là một sợi thùng gai lớn.

*Rồng quấn vòng quanh chân với tay,
Trông như quan võ đủ tua, dài;
Tua dài quan võ bằng kim tuyến,
Tua của ta là một cuộn gai.*

NAM TRÂN - BĂNG THANH dịch

Bản dịch khác :

**Rồng dài vòng quấn khắp chân tay,
Quan võ nước ngoài thắt bộ dây;
Quan võ đeo tua kim tuyến thật,
Còn ta, quấn một cuộn thùng dây !**

HUỆ CHI dịch

(1) *Rồng dài*: Tức sợi dây trói, tác giả gọi một cách hài hước.

落了一隻牙

你的心情硬且剛
不如老舌軟而長
從來與你同甘苦
現在東西各一方

LẠC LIÊU NHẤT CHÍCH NHA

*Nhĩ dịch tâm tình ngạnh thả cương,
Bất như lão thiệt nhuyễn nhi trường;
Tòng lai dĩ nhĩ đồng cam khổ,
Hiện tại đông tây các nhất phương.*

RỤNG MẤT MỘT CHIẾC RĂNG

Tính tình anh rắn rỏi và kiên cường,
Chẳng mềm và dài như lão lười;
Trước nay vẫn cùng anh chung ngọt bùi,
cay đắng,
Bây giờ phải xa nhau, người một phương.

*Cứng rắn như anh chẳng kém ai,
Chẳng như lão lười dẻo và dài;
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,
Nay kẻ chân mây, kẻ cuối trời.*

TRẦN ĐẮC THỊO dịch

隆安-同正

此間土地廣而貧
所以人民儉且勤
聽說今春逢大旱
十分收穫兩三分

LONG AN - ĐỒNG CHÍNH

*Thử gian thổ địa quảng nhi bần,
Sở dĩ nhân dân kiệm thả cần;
Thính thuyết kim xuân phùng đại hạn,
Thập phân thu hoạch lưỡng tam phân.*

LONG AN - ĐỒNG CHÍNH

Vùng này ruộng đất rộng nhưng cần cỗi,
Vì thế nhân dân tiết kiệm và siêng năng;
Nghe nói mùa xuân năm nay gặp đại hạn,
Mười phần chỉ thu hoạch được vài ba
phần.

*Vùng đây tuy rộng, đất khô cần,
Vì thế nhân dân kiệm lại cần;
Nghe nói xuân nay trời đại hạn,
Mười phần thu hoạch chỉ đôi phần.*

NAM TRÂN - BĂNG THANH dịch

街上

街上人爭看漢奸
漢奸與我本無干
無干仍是嫌疑
使我心中覺點

NHAI THUỜNG

*Nhai thượng nhân tranh khán Hán gian,
Hán gian dữ ngã bản vô can;
Vô can nhưng thị hiềm nghi phạm,
Sĩ ngã tâm trung giác điểm hàn.*

TRÊN ĐƯỜNG PHỐ

Trên đường phố mọi người tranh nhau
xem Hán gian,
Hán gian vốn chẳng liên can gì với ta;
Nhưng không liên can mà vẫn là người tù
bị tình nghi,
Khiến lòng ta cảm thấy có chút ghê lạnh.

*Ngoài phố tranh nhau xem Hán gian,
Hán gian, ta vốn thực vô can;
Vô can vẫn bị nghi là có,
Thực khiến lòng ta lạnh tới gan.*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác

**Phố xá ủa nhau xem Hán gian,
Hán gian, mình rõ thực vô can;
Vô can mà vẫn nghi là phạm,
Nghĩ đến càng thêm nẫu ruột gan.**

NGUYỄN BÁU dịch

路上

脛臂雖然被緊綁
滿山鳥語與花香
自由覽賞無人禁
賴此征途減寂涼

LỘ THUỘNG

*Hình tỳ tuy nhiên bị khẩn bang,
Mãn sơn diều ngữ dĩ hoa hương;
Tự do lãm thưởng vô nhân cấm,
Lại thử chinh đồ giảm tịch lương.*

TRÊN ĐƯỜNG

Mặc dù chân tay bị trói chặt,
Nhưng đây núi chim hót và hoa thơm;
Tự do thưởng ngoạn, không ai cấm được,
Nhờ thế, đường xa cũng bớt quanh hiu.

*Mặc dù bị trói chân tay,
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng;
Vui say, ai cấm ta dừng,
Đường xa, âu cũng bớt chừng quanh hiu.*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác :

**Dẫu trói chân tay đến ngặt nghèo,
Khắp rừng hương ngát với chim kêu ;
Tự do thưởng ngoạn, ai ngăn được,
Cô quanh đường xa, vội ít nhiều.**

HUỆ CHI dịch

徵兵家眷

郎君一去不回頭
使妾閨中獨抱愁
當局可憐余寂寞
請余來暫住牢囚

TRUNG BÌNH GIA QUYẾN

*Lang quân nhất khứ bất hồi đầu,
Sử thiếp khuê trung độc bão sầu;
Đương cục khả liên dư tịch tịch,
Thỉnh dư lại tạm trú lao tù.*

GIA QUYỀN NGƯỜI BỊ BẮT LÍNH ⁽¹⁾

Chàng ra đi không trở về,
Để thiếp chôn buồn the một mình ôm
sầu;
Nhà đương cục ý hằn thương thiếp cô
quạnh,
Nên mời thiếp đến ở tạm nhà tù.

*Biên biệt anh đi không trở lại,
Buồng the trơ trọi, thiếp ôm sầu;
Quan trên xót nỗi em cô quạnh,
Nên lại mời em tạm ở tù ?*

NAM TRÂN dịch

(1) Trong bài này, tác giả châm biếm việc bắt lính của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Tuy gọi là "đi lính cứu nước" nhưng thực chất chỉ là để bảo vệ nhà cầm quyền, nên phần đông nhân dân đều bỏ trốn không chịu đi. Để đối phó lại, chính quyền đã dùng thủ đoạn bắt vợ vào ngồi tù thay.

解嘲

吃公家飯住公房
軍警輪班去護從
玩水遊山隨所適
男兒到此亦豪雄

GIẢI TRÀO

*Ngật công gia phạn, trú công phòng,
Quân cảnh luân ban khứ hộ tòng;
Ngoạn thủy du sơn tùy sở thích,
Nam nhi đáo thử diệc hào hùng !*

PHA TRÒ

Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Lính quân cảnh thay phiên nhau đi hộ vệ;
Đạo núi chơi sông tùy ý thích,
Làm trai đến thế cũng hào hùng !

*Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Lính tráng thay phiên đến hộ tòng;
Non nước dạo chơi tùy sở thích,
Làm trai như thế cũng hào hùng !*

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch

往南寧

鉄繩硬替麻繩軟
步步叮嚀環珮聲
雖是嫌疑間諜犯
儀容却像舊公卿

VÃNG NAM NINH

*Thiết thừng ngạnh thế ma thừng nhuyễn,
Bộ bộ dinh đang hoãn bội thanh;
Tuy thị hiềm nghi gián điệp phạm,
Nghị dung khước tượng cựu công khanh.*

ĐI NAM NINH

Xích sắt cứng đã thay thùng gai mềm,
Bước mỗi bước leng keng như tiếng ngọc;
Tuy là người tù bị tình nghi gián điệp,
Nhưng bộ dạng lại giống vị công khanh
ngày trước.

*Hôm nay xiềng sắt thay dây trói,
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung;
Tuy bị tình nghi là gián điệp,
Mà như khanh tướng vẻ ung dung.*

NAM TRÂN dịch

警兵担猪同行

警士担猪同路走
猪由人担我人牽
人而反賤於猪仔
因為人無自主權

二

世上千辛和萬苦
莫如失却自由權
一言一動不自主
如牛如馬任人牽

CẢNH BINH ĐẢM TRƯ ĐỒNG HÀNH

I

*Cảnh sĩ đảm trư đồng lộ tẩu,
Trư do nhân đảm, ngã nhân khiên;
Nhân nhi phản tiện ư trư tử,
Nhân vị nhân vô tự chủ quyền.*

II

*Thế thượng thiên tân hoà vạn khổ,
Mạc nhứt thất khước tự do quyền;
Nhứt ngôn nhứt động bất tự chủ,
Như ngư, như mã, nhậm nhân khiên.*

CẢNH BÌNH KHIÊNG LỢN CÙNG ĐI

I

Cảnh bình khiêng lợn đi cùng đường ,
Lợn thì người khiêng, ta người dắt;
Người lại bị coi rẻ hơn lợn,
Chỉ vì người không có quyền tự chủ.

II

Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Không gì cay đắng bằng mất quyền tự do;
Mỗi lời nói, mỗi hành động đều không
được tự chủ,
Mặc cho người dắt như trâu, như ngựa.

I

*Khiêng lợn , lính cùng đi một lối,
Ta thì người dắt, lợn người khiêng;
Con người coi rẻ hơn con lợn,
Chỉ tại người không có chủ quyền !*

II

*Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chỉ bằng mất tự do ?
Mỗi việc mỗi lời không tự chủ,
Để cho người dắt tựa trâu bò !*

NAM TRÂN dịch

跌落

夜仍黑暗已登程
路又崎嶇甚不平
跌入深坑危險甚
幸能躍出了深坑

DIỆT LẠC

*Dạ nhưng hắc ám dĩ đăng trình,
Lộ hựu kỳ khu thậm bất bình;
Diệt nhập thâm khanh nguy hiểm thậm,
Hạnh năng được xuất liễu thâm khanh.*

HỤT CHÂN NGÃ

Đêm còn tối mịt đã phải lên đường,
Đường lại gồ ghề, không chút bằng phẳng;
Hụt chân thụt xuống hố sâu, nguy hiểm quá,
May sao đã nhảy được ra khỏi hố.

*Còn tối như bưng đã phải đi,
Đường đi khúc khuỷu lại gồ ghề ;
Trượt chân nhỡ bước sa vào hố,
May nhảy ra ngoài, suýt nữa nguy !*

NAM TRÂN dịch

半路搭船赴邕

乘舟順水往邕寧

脛吊船欄似絞刑

兩岸鄉村稠密甚

江心漁父釣船輕

BÁN LỘ THÁP THUYỀN PHÓ UNG

*Thừa chu thuận thủy vãng Ung Ninh ,
Hình điệu thuyền lan tự giáo hình ;
Luồng ngạn hương thôn trù mật thậm,
Giang tâm ngư phủ điệu thuyền khinh.*

GIỮA ĐƯỜNG ĐÁP THUYỀN
ĐI UNG NINH ⁽¹⁾

Đáp thuyền xuôi dòng đi Ung Ninh,
Chân bị treo lên giàn thuyền như tội hình
treo cổ ;
Làng xóm hai bên sông thật là đông đúc ,
Giữa lòng sông, thuyền câu của ông chài
lướt nhẹ.

*Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung
Ninh,
Lũng lảng chân treo tựa giáo hình ;
Làng xóm ven sông đông đúc thế,
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.*

NAM TRÂN dịch

(1) *Ung Ninh* : tức Nam Ninh, một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, có thị trấn Nam Ninh.

南寧獄

監房建築頂摩登
澈夜輝煌照電燈
因為每餐惟有粥
使人肚子戰兢兢

NAM NINH NGỤC

*Giám phòng kiến trúc đỉnh "ma đẳng",
Triệt dạ huy hoàng chiếu điện đăng ;
Nhân vị mỗi xan duy hữu chúc,
Sử nhân đồ tử chiến căng căng.*

NHÀ NGỤC NAM NINH

Nhà lao xây dựng rất "mô đéc" ⁽¹⁾,
Suốt đêm đèn điện sáng rực ;
Nhưng vì bữa ăn nào cũng chỉ có cháo,
Khiến cho bụng người ta cứ run bần bật.

*Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,
Đèn điện thâu đêm sáng rực trời ;
Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,
Cho nên cái bụng cứ run hoài.*

NAM TRÂN dịch

(1) *Mô đéc* : Nguyên văn là "ma đăng", phiên âm tiếng Anh "modem" tức là tối tân hiện đại, tác giả dùng với ý hài hước.

納悶

環球戰火鑠蒼天
壯士相爭赴陣前
獄裡閑人閑要命
雄心不值一文錢

NẠP MUỘN

*Hoàn cầu chiến hoả thốt thương thiên,
Tráng sĩ tương tranh phó trận tiền ;
Ngục lý nhàn nhân nhàn yếu mệnh,
Hùng tâm bất trị nhất văn tiền.*

BUỒN BỰC

Lửa chiến tranh trên hoàn cầu nóng chảy
cả trời xanh,

Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận ;
Trong tù, người nhàn lại nhàn quá đổi,
Chí lớn mà không đáng giá một đồng
tiền.

*Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận,
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh ;
Trong ngục người nhàn nhàn quá đổi,
Chí cao mà chẳng đáng đồng chinh.*

NAM TRÂN dịch

聽雞鳴

你只平常一隻雞
朝朝報曉大聲啼
一聲喚醒群黎夢
你的功勞也不低

THÍNH KÊ MINH

*Nhĩ chỉ bình thường nhất chích kê,
Triêu triêu báo hiệu đại thanh kê ;
Nhất thanh hoán tỉnh quần lê mộng,
Nhĩ đích công lao dã bất đề.*

NGHE GÀ GÁY

Người chỉ là một chú gà bình thường,
Mỗi sớm, lớn tiếng gáy để báo sáng ;
Một tiếng thôi mà gọi tỉnh giấc mộng của
dân chúng,
Công lao người chẳng phải là xoàng.

*Người tuy chỉ một chú gà thường,
Báo sáng, ngày ngày tiếng gáy vang;
Một tiếng, toàn dân bừng tỉnh mộng,
Công người đâu có phải là xoàng.*

NAM TRÂN dịch

一个赌犯硬了

他身只有骨包皮
痛苦飢寒不可支
昨夜他仍睡我側
今朝他已九泉歸

NHẤT CÁ ĐỒ PHẠM "NGẠNH" LIÊU

*Tha thân chỉ hữu cốt bao bì,
Thống khổ cơ hàn bất khả chi ;
Tạc dạ tha nhưng thuy ngã trắc,
Kim triêu tha dĩ cữu tuyền quy.*

MỘT NGƯỜI TÙ CỜ BẠC
"CHẾT CÙNG"

Thân hình anh ấy chỉ còn da bọc xương,
Khổ đau , đói rét, không chống đỡ nổi ;
Đêm qua anh còn nằm ngủ cạnh tôi,
Sáng nay đã về chín suối.

*Thân anh da bọc lầy xương,
Khổ đau, đói rét hết phương sống rồi ;
Đêm qua còn ngủ bên tôi,
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng !*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác :

**Anh chỉ làn da bọc dùm xương,
Khổ đau , đói rét sức khôn đương ;
Đêm qua còn ngủ bên tôi đó,
Mà sáng hôm nay đã suối vàng.**

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

又一个

夷齊不食周朝粟

賭犯不吃公家粥

夷齊餓死首陽山⁽³³⁾

賭犯餓死公家獄

HỤU NHẤT CÁ ...

*Di, Tể bất thực Chu triều túc
Đỗ phạm bất ngật công gia chúc ;
Di, Tể ngã tử Thú Dương sơn,
Đỗ phạm ngã tử công gia ngục.*

LẠI MỘT NGƯỜI NỮA...

Bá Di, Thúc Tề⁽¹⁾ không ăn thóc nhà Chu,
Người tù cờ bạc không ăn cháo nhà nước;
Bá Di, Thúc Tề chết đói trên núi
Thú Dương,
Người tù cờ bạc chết đói trong ngục nhà
nước.

*Bá Di, Tề chẳng ăn gạo nhà Chu,
Tù bạc chẳng ăn cháo nhà nước ;
Di, Tề chết đói ngàn Thú Dương,
Tù bạc chết đói trong nhà ngục.*

NAM TRÂN dịch

(1) *Di, Tề* : tức Bá Di và Thúc Tề, con vua nước Cỗ Trúc nhà Ân (1401 - 1122 trước CN) Trung Quốc. Khi Vũ Vương chiếm ngôi nhà Ân lập nên nhà Chu, Bá Di, Thúc Tề không chịu ăn gạo nhà Chu lên núi Thú Dương ở ẩn, ăn rau薇, rồi chết đói ở đó.

禁烟紙烟的

烟禁此間狠厲害

你烟綴入他烟包

當然他可吹烟斗

你若吹烟罰手鐐

他：獄丁也

CẨM YÊN

(Chỉ yên dích)

Yên cấm thử gian hản lệ hại,

Nhĩ yên kiếu nhập tha yên bao;

*Đương nhiên tha khả xuy yên đầu,
Nhĩ nhược xuy yên, phát thủ liêu.*

(Tha: ngực dính dĩa)

CẤM HÚT THUỐC

(Thuốc lá)

Ồ đây lệnh cấm hút thuốc lá rất gắt gao,
Thuốc của anh phải nộp vào túi thuốc của
nó;
Đương nhiên, nó có thể hút thuốc bằng
tẩu,
Nhưng nếu anh hút, bị phạt còng tay.

(Nó : lính ngục)

*Hút thuốc nơi này cấm gấu gao,
Thuốc anh nó tích, bỏ vào bao;
Nó thì kéo tẩu tha hồ hút,
Anh hút, còng dây, tay ghé vào.*

NAM TRẦN dịch

夜半聞哭夫

嗚呼夫君兮夫君
何故夫君遽棄塵
使妾從今何處見
十分心合意投人

ĐẠ BÁN VĂN KHỐC PHU

Ô hô phu quân, hê phu quân !
Hà cố phu quân cự khí trần ?
Sử thiếp tòng kim hà xứ kiến,
Thập phần tâm hợp ý đầu nhân.

NỬA ĐÊM NGHE TIẾNG
KHÓC CHỒNG

Than ôi ! chàng hỡi chàng !
Cớ sao chàng vội lìa bỏ cõi đời ?
Khiến cho thiếp từ nay biết tìm đâu thấy,
Người bạn đời mười phần tâm đầu ý hợp.

*Hỡi ôi, chàng hỡi, hỡi chàng ôi !
Cơ sự vì sao vội lánh đời ?
Để thiếp từ nay đâu thấy được,
Con người tâm ý hợp mười mươi.*

NGUYỄN SĨ LÂM dịch

黃昏

風如利劍磨山石
寒似尖鋒刺樹枝
遠寺鐘鼓催客步
牧童吹笛引牛歸

HOÀNG HÔN

*Phong như lợi kiếm ma sơn thạch,
Hàn tựa tiêm phong thính thụ chi;
Viễn tự chung thanh thôi khách bộ,
Mục đồng xuy địch dẫn ngưu quy.*

HOÀNG HÔN

Gió như gươm sắc mài đá núi,
Rét như giáo nhọn chích cành cây,
Tiếng chuông chùa xa giục bước chân
khách,
Trẻ chăn trâu thổi sáo dẫn trâu về.

*Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
Rét như dùi nhọn chích cành cây;
Chùa xa chuông giục người nhanh
bước,
Trẻ dẫn trâu về tiếng sáo bay.*

NAM TRÂN dịch

工金

煮一鍋飯六毛錢
一盆開水銀一元
一元買物得六角
獄中價格定昭然

CÔNG KIM

*Chỉ nhất oa phạn lục mao tiền,
Nhất bồn khai thủy ngân nhất nguyên;
Nhất nguyên mãi vật đắc lục giác,
Ngục trung giá cách định chiêu nhiên.*

TIỀN CÔNG

Thổi một nồi cơm phải sáu hào,
Một chậu nước sôi một đồng bạc;
Một đồng mua hàng chỉ đáng giá sáu hào,
Giá cả trong tù định rõ như thế.

*Thổi một nồi cơm, trả sáu hào,
Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao;
Một đồng của đáng sáu hào chỉ,
Giá cả trong tù định rõ sao !*

NAM TRÂN dịch

睡不着

一更二更又三更
輾轉徘徊睡不成
四五更時才合眼
夢魂環繞五尖星

THUY BẤT TRƯỚC

*Nhất canh ... nhị canh... hựu tam canh,
Triển chuyển, bồi hồi, thuy bất thành;
Tứ, ngũ canh thì tài hợp nhãn,
Mộng hồn hoàn nhiều ngũ tiêm tỉnh.*

NGỦ KHÔNG ĐƯỢC

Canh một ... canh hai ... lại canh ba,
Trần trọc bần khoản không ngủ được;
Canh tư, canh năm vừa chợp mắt,
Hồn mộng đã quần quanh nơi ngôi sao
năm cánh.

*Một canh... hai canh ... lại ba canh,
Trần trọc bần khoản, giấc chẳng thành;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác :

Canh một ... canh hai... lại canh ba,
Trần trọc, bần khoản, khó ngủ mà;
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh quện hồn ta.

XUÂN THUỶ dịch

憶友

昔君送我至江濱
問我歸期指谷新
現在新田已犁好
他鄉我作獄中人

ỨC HỮU

*Tích quân tổng ngã chí giang tân,
Vấn ngã quy kỳ, chỉ cốc tân ;
Hiện tại tân điền dĩ lê hảo,
Tha hương ngã tác ngục trung nhân.*

NHỚ BẠN

Ngày nào anh tiễn tôi đến bến sông,
Hỏi tôi ngày về, trở mùa lúa mới;
Đến nay ruộng lại đã cày xong hết rồi,
Nơi đất khách, tôi thành người trong tù.

*Ngày đi bạn tiễn đến bên sông,
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng;
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,
Quê người, tôi vẫn chốn lao lung.*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác

**Bến sông nhớ buổi tiễn đưa,
Ngày về, hẹn bạn lúa vừa thấm bông;
Ruộng giờ cày mới đã xong ,
Tha hương, mình vẫn khách trong lao tù.**

HUỆ CHI dịch

替難友們寫報告

同舟共濟義難辭
替友編修報告書
奉此等因令始學
多多博得感恩詞

THẾ NẠN HỮU MÃN TẢ BÁO CÁO

*Đồng chu cộng tế nghĩa nan từ,
Thế hữu biên tu báo cáo thư;
"Phụng tử", "dâng nhân" kim thủy học,
Đa đa bác đắc cảm ân từ.*

VIẾT HỘ BÁO CÁO CHO CÁC BẠN TỪ

Cùng hội cùng thuyền giúp nhau, lẽ khôn
từ chối,
Viết báo cáo thay cho bạn;
Những chữ "thừa lệnh", "chiều theo" nay
đều mới học,
Thế mà đã được nhiều lời cảm tạ.

*Cùng hội cùng thuyền nên phải giúp,
Viết thay báo cáo dám từ nan ;
"Chiều theo", "thừa lệnh" nay vừa
học.
Đã được bao lời bạn cảm ơn.*

NAM TRẦN dịch

癩瘡

滿身紅綠如穿錦
成日撈搔似鼓琴
穿錦因中都貴客
鼓琴難友盡知音

LẠI SANG

*Mãn thân hồng lục như xuyên cẩm,
Thành nhật lao tao tợ cổ cầm;
Xuyên cẩm, từ trung đô quý khách,
Cổ cầm, nạn hữu tận tri âm.*

GHỀ LỖ

Xanh đỏ đây người như áo gấm,
Suốt ngày sột soạt tựa gảy đàn;
Mặc gấm trong tù đều là khách quý,
Gảy đàn, bạn tù đều là tri âm.

*Đấy mình đỏ tím như hoa gấm,
Sột soạt luôn tay tựa gảy đàn;
Mặc gấm, bạn tù đều khách quý,
Gảy đàn, trong ngục thấy tri âm.*

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch

聞搥米穀

米被搥時很痛苦
既搥之後白如綿
人生在世也這樣
困難是你玉成天

VÂN THUNG MỄ THANH

*Mễ bị thung thì, hân thống khổ,
Kỷ thung chi hậu, bạch như miên;
Nhân sinh tại thế dã giá dạng,
Khốn nạn thị nhĩ ngọc thành thiên,*

NGHE TIẾNG GIÃ GẠO

Gạo lúc đang giã, rất đau đớn,
Lúc giã xong rồi, trắng tựa bông;
Người sống trên đời cũng như vậy,
Gian nan là dịp rèn giũa mình thành ngọc.

*Gạo đem vào giã bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;
Sống ở trên đời người cũng vậy,
Gian nan rèn luyện mới thành công.*

VĂN TRÚC - VĂN PHỤNG dịch

雙十一

從前每到雙十一
紀念歐洲罷戰期
今日五洲同血戰
罪魁就是惡 NAZI

二

中華抗戰將六載
烈烈轟轟舉世知

勝利雖然有把握
仍須努力反攻時

三

抗日旌旗滿亞洲
旌旗大小有差殊
旌旗大的固須有
小的旌旗不可無

SONG THẬP NHẤT

I

*Tòng tiền mỗi đảo Song thập nhất,
Kỷ niệm Âu châu bãi chiến kỳ;
Kim nhật ngũ châu đồng huyết chiến ,
Tội khỏi tị thị ác Na-zi.*

II

*Trung Hoa kháng chiến tương lực tải,
Liệt liệt oanh oanh cử thế tri;
Thắng lợi tuy nhiên hữu bả ác,
Nhưng tu nỗ lực phản công thì.*

III

*Kháng Nhật tinh kỳ mãn Á châu,
Tinh kỳ đại tiểu hữu sai thù;
Tinh kỳ đại đích cố tu hữu,
Tiểu đích tinh kỳ bất khả vô.*

NGÀY 11 THÁNG 11 ⁽¹⁾

I

Trước kia, cứ đến 11 tháng 11,
Là kỷ niệm ngày đình chiến ở châu Âu;
Ngày nay năm châu cùng huyết chiến,
Tội phạm đầu sỏ chính là bọn Na-zi ⁽²⁾
hung ác.

II

Trung Hoa kháng chiến đã gần sáu
năm ⁽³⁾ ,
Oanh liệt vang lừng, khắp nơi đều biết;
Thắng lợi tuy rằng đã nắm chắc,
Nhưng vẫn phải gắng sức lúc phản công.

III

Cờ kháng Nhật dậy khắp châu Á,
Cờ lớn, cờ nhỏ có khác nhau;
Cờ lớn cố nhiên phải có,
Nhưng cờ nhỏ cũng không thể không có.

(1) Ngày 11 tháng Mười một (song thập nhất); ngày kỷ niệm chấm dứt Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918).

(2) Na-zi : chỉ bon Đức quốc xã.

(3) Nhân dân Trung Quốc bắt đầu chống cuộc xâm lược của phát xít Nhật từ ngày 7 tháng 7 năm 1937, đến cuối năm 1942 là gần 6 năm.

I

*Thuở trước nơi nơi đều kỷ niệm,
Mừng ngày đình chiến ở châu Âu;
Năm châu nay lại đang tuôn máu,
Bọn quỷ Na-zi tội đứng đầu.*

II

*Trung Hoa kháng chiến sáu năm chầy,
Oanh liệt, vang lừng khắp đó đây;
Đến lúc phản công nên cố gắng,
Mặc dầu thắng lợi nắm trong tay.*

III

*Kháng Nhật, cờ bay khắp Á châu,
Cờ to, cờ nhỏ chẳng đều nhau;
Cờ to đã hẵn là nên có,
Cờ nhỏ dù sao, thiếu được đầu.*

NAM TRẦN dịch

警 報十一月十二日

敵机浩蕩到天中
避襲人民跑一空
我們出籠避空襲
人人歡喜得出籠

CẢNH BÁO

(Thập nhất nguyệt thập nhị nhật)

Địch cơ hạo dãng đảo thiên trung,
Tỵ tập nhân dân bào nhất không;
Ngã mãn xuất lung tỵ không tập,
Nhân nhân hoan hỉ đắc xuất lung.

BÁO ĐỘNG
(Ngày 12 tháng 11)

Trên trời máy bay địch rầm rộ kéo tới,
Tránh oanh tạc, nhân dân bỏ chạy hết
sạch;
Chúng tôi cũng ra khỏi lao để tránh máy
bay,
Ai nấy mừng rỡ được ra ngoài lao.

*Máy bay địch bỗng đến ào ào ,
Tất cả nhân dân chạy xuống hào;
Cửa mở cho tù ra lánh nạn,
Sổ lòng, ai nấy khoái làm sao.*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác :

**Máy bay địch thoát rận không trung,
Trốn nấp, nhân dân chạy sạch không;
Tù phạm cũng tìm nơi trú ẩn ,
Được ra ngoài ngục, khoái vô cùng !**

HUỆ CHI dịch

折字

囚人出去或爲國
患過頭時始見忠
人有憂愁優點大
龍開竹門出真龍

CHIẾT TỰ

*Tù nhân xuất khứ hoặc vì quốc,
Hoạn quá đầu thì thủy kiến trung;
Nhân hữu ưu sầu ưu điểm đại,
Lung khai trúc môn, xuất chân long.*

CHIẾT TỰ ⁽¹⁾

Người tù ra khỏi ngục, có khi dựng nên
đất nước,
Qua cơn hoạn nạn mới rõ người trung;
Người biết lo âu, ưu điểm lớn,
Nhà lao mở then cửa trúc, rồng thật sẽ
bay ra. ⁽²⁾

*Người thoát khỏi tù ra dựng nước,
Qua cơn hoạn nạn, rõ lòng ngay;
Người biết lo âu, ưu điểm lớn,
Nhà lao mở cửa, ắt rồng bay !*

NAM TRẦN dịch

(1) *Chiết tự* : Một hình thức phân tích chữ Hán thành từng bộ phận để thành chữ mới, có ý nghĩa khác với ý nghĩa ban đầu.

(2) Theo lối : "chiết tự" bài thơ này còn có nghĩa đen như sau : chữ tù bỏ chữ nhân, cho chữ hoạc vào, thành chữ quốc. Chữ hoạn bớt phần trên đi thành chữ trung. Thêm nhân đứng vào chữ ưu trong "ưu sầu" thành chữ ưu trong "ưu điểm". Chữ lung bỏ trúc đầu thành chữ long.

旅館

照例初來諸難友
必須睡在厠坑邊
假如你想好好睡
你要多花几塊錢

"LỮ QUÁN"

*Chiếu lệ sơ lai chư nạn hữu,
Tất tu thụy tại xí khanh biên;
Giả như nhĩ tưởng hảo hảo thụy,
Nhĩ yếu đa hoa kỷ khôi tiền.*

"QUÁN TRỢ"

Theo lệ, các bạn tù mới đến,
Ắt phải ngủ cạnh hố xí ;
Nếu anh muốn được ngủ ngon giấc,
Anh phải tốn thêm mấy đồng bạc.

*Lệ thường tù mới đến,
Phải nằm cạnh cầu tiêu;
Muốn ngủ cho ngon giấc,
Anh phải trả tiền nhiều.*

NAM TRÂN dịch

早晴

朝陽穿過籠全部
燒盡幽烟與暗霾
生氣頓時充宇宙
犯人个个笑顏開

TẢO BÌNH

*Triêu dương xuyên quá lung toàn bộ,
Thieu tận u yên dĩ ám mai;
Sinh khí đốn thì sung vũ trụ,
Phạm nhân cá cá tiếu nhan khai.*

NẮNG SỚM

Nắng sớm xuyên suốt nhà lao,
Thieu đốt sạch những làn khói mù u ám
còn sót lại ;
Sinh khí bỗng chốc tràn đầy vũ trụ,
Tù phạm ai nấy vẻ mặt tươi cười.

*Nắng sớm xuyên qua nơi ngục thất,
Đốt tan khói đặc với sương dày;
Đất trời phút chốc tràn sinh khí,
Tù phạm cười tươi nở mặt mày.*

HUỆ CHI dịch

「越南縣動邑報赤道訊」

14 - 11

寧死不甘奴隸苦
義旗到處又飄揚
可憐余做囚中客
未得躬親上戰場

"VIỆT HỮU TAO ĐỘNG"

Ung báo, xích đạo tấn 14 -11

*Ninh tử, bất cam nô lệ khổ,
Nghĩa kỳ đáo xứ hựu phiêu dương;
Khả liên dư tố tù trung khách,
Vị đắc cung thân thương chiến trường.*

"VIỆT NAM CÓ BẠO ĐỘNG"

Tin Xích đạo, trên báo

Ung Ninh- 14 - 11

Thà chết, không chịu nổi khổ làm nô lệ,
Cờ nghĩa lại tung bay khắp nơi;
Xót mình vẫn là khách trong tù,
Chưa được đích thân ra nơi chiến trường.

*Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền;
Xót mình giam hãm trong tù ngục,
Chưa được xông ra giữa trận tiền.*

NAM TRÂN dịch

英訪華團

美國去了英國到
到處欣逢熱烈情
我也訪華團一部
卻遭特種的歡迎

ANH PHÒNG HOA ĐOÀN

*Mỹ đoàn khứ liễu Anh đoàn đáo,
Đáo xứ hân phùng nhiệt liệt tình;
Ngã dã "phỏng Hoa đoàn" nhất bộ,
Khước tao đặc chủng đích hoan nghênh.*

ĐOÀN ĐẠI BIỂU ANH
SANG THĂM TRUNG HOA

Đoàn Mỹ đi khỏi, đoàn Anh tới,
Đến đâu cũng được tiếp đón nhiệt tình;
Ta cũng là một "Đoàn thăm Trung Hoa",
Lại gặp một kiểu hoan nghênh đặc biệt.

*Đoàn Mỹ đi rồi đoàn Anh đến,
Khắp chốn mừng reo tỏ nhiệt tình;
Ta cũng một đoàn thăm quý quốc;
Lại dành riêng một lối hoan nghênh.*

NAM TRÂN - HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

解往武鳴

18 - 11

既解到南寧

又解返武鳴

彎彎曲曲解

徒延我行程

不平

GIẢI VĂNG VŨ MINH

18 - 11

Ký giải đèo Nam Ninh,

Hậu giải phản Vũ Minh;

Loan loan, khúc khúc giải,

Đồ diên ngã hành trình.

Bất bình !

GIẢI ĐI VŨ MINH ⁽¹⁾

18 - 11

Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh quanh quẹo quẹo mãi,
Kéo dài cuộc hành trình của ta.
Bất bình !

*Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh;
Giải đi quanh quẹo mãi,
Kéo dài cả hành trình
Bất bình !*

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch

(1) *Vũ Minh* : Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường bộ từ Tĩnh Tây đến Nam Ninh. Lạc Hồ đã bị giải đến Nam Ninh dọc theo đường sông, nay lại giải trở lại về phía Tĩnh Tây theo đường bộ.

芭鄉狗肉

過果德時吃鮮魚
過芭鄉時吃狗肉
可見一般遞解人
生活有時也不俗

BÀO HƯƠNG CẦU NHỤC

*Quá Quả Đức thì ngật tiên ngư,
Quá Bào Hương thì ngật cầu nhục;
Khả kiến nhất ban đệ giải nhân,
Sinh hoạt hữu thì dã bất tục.*

THỊT CHÓ Ở BÀO HƯƠNG ⁽¹⁾

Khi qua Quả Đức, ăn cá tươi,
Lúc qua Bào Hương, ăn thịt chó;
Thế mới biết bọn lính giải tù,
Cách sống có lúc cũng sành sỏi.

*Qua Quả Đức thì chén cá tươi,
Qua Bào Hương lại xơi thịt chó;
Cho hay bọn giải tù nhân này,
Cách sống đôi khi cũng sành đó.*

ĐỖ VĂN HỖ dịch

Bản dịch khác

**Qua Quả Đức, nhắm cá tươi,
Ghé Bào Hương, chúng lại xơi thịt cay;
Giải tù xem bọn lính này,
Về khoa ẩm thực toàn tay lối đời.**

HẢI NHƯ dịch

(1) Bào Hương : Một địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đi Vũ Minh.

築路夫

餐風浴雨未曾休
慘淡經營築路俟
車馬行人來往者
幾人感謝你功勞

TRÚC LỘ PHU

*Xan phong dục vũ vị tãng hưu,
Thảm đạm kinh doanh ⁽¹⁾ trức lộ phu;
Xa mã hành nhân lai vãng giả,
Kỷ nhân cảm tạ nhĩ công lao ?*

PHU LÀM ĐƯỜNG

Dãi gió dầm mưa chưa từng lúc nghỉ ,
Người phu làm đường tận tụy với công
việc;
Ngựa xe và khách bộ hành qua lại,
Mấy ai biết cảm tạ công lao của anh.

*Dãi gió, dầm mưa chẳng nghỉ ngơi,
Phu đường vất vả lắm ai ơi !
Ngựa xe, hành khách thường qua lại,
Biết cảm ơn anh được mấy người ?*

NAM TRÂN dịch

(1) Thành ngữ Trung Quốc "Thẩm đạm kinh doanh" nói sự dốc sức, mưu toan tận tụy với công việc.

獄丁竊我之士的
一生正直又堅剛
攜手同行幾雪霜
恨彼奸人離我倆
長教我你各淒涼

NGỤC ĐÌNH THIẾT NGÃ
CHI SĨ ĐÍCH

*Nhất sinh chính trực hựu kiên cương,
Huê thủ đồng hành kỷ tuyết sương;
Hận bỉ gian nhân ly ngã lưỡng;
Trường giao ngã nhĩ các thê lương.*

LÍNH NGỤC ĐÁNH CẤP MẤT
CHIẾC GẬY CỦA TA ⁽¹⁾

Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dắt dìu nhau cùng đi đã mấy mùa sương
tuyết ;
Giận kẻ gian kia chia rẽ hai ta,
Khiến cho tôi và anh phải buồn thương
mãi.

*Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dìu dắt nhau đi mấy tuyết sương;
Giận kẻ gian kia gây cách biệt,
Hai ta dằng dặc nỗi buồn thương.*

NAM TRÂN dịch

(1) Chiếc gậy : Nguyên văn là "sĩ đích", phiên âm tiếng Anh "stic", có nghĩa là chiếc gậy.

公里碑

不高亦不遠
非帝亦非王
小小一片石
屹立大道旁
人顏你指示
不走錯向方
你給人指示
途路之短長
你功也不小
人人不你忘

CÔNG LÝ BI

*Bất cao diệt bất viển,
Phi đế diệt phi vương;
Tiểu tiểu nhất phiến thạch,
Ngật lập đại đạo bàng;
Nhân lai nhĩ chỉ thị,
Bất tẩu thác hướng phương;
Nhĩ cấp nhân chỉ thị,
Đồ lộ chi đoản trường;
Nhĩ công dã bất tiểu,
Nhân nhân bất nhĩ vương (vong).*

CỘT CÂY SỐ

Không cao cũng không xa,
Chẳng đế cũng chẳng vương;

Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường lớn;
Người nhờ anh chỉ lối.

Đi không sai phương hướng;
Anh chỉ dẫn cho người,
Con đường ngắn hay dài;
Công anh cũng không nhỏ,
Mọi người chẳng quên anh.

*Chẳng cao cũng chẳng xa,
Không đế cũng không vương;
Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường;
Người nhờ anh chỉ lối,
Đi đúng hướng đúng phương;
Anh chỉ cho người biết,
Nào dặm ngắn, dặm trường;
Mọi người nhớ anh mãi,
Công anh chẳng phải thường.*

VĂN TRỰC - VĂN PHỤNG dịch

賓陽獄中孩

22 - 11

Oa...! Oa...! Oaa...!

爺怕當兵救國家
所以我年才半歲
要到獄中跟着媽

TÂN DƯƠNG NGỤC TRUNG HÀI

22 - 11

Oa ... ! Oa ... ! Oaa ... !

Gia phạ đương binh cứu quốc gia ;

Sở dĩ ngã niên tài bán tuế,

Yếu đáo ngục trung căn trước mã.

CHÁU BÉ TRONG NGỤC.
TÂN DƯƠNG ⁽¹⁾

22 - 11

Oa ... ! Oa ... ! Oaa ... !
Cha sợ vào lính cứu nước nhà;
Cho nên em vừa được nửa tuổi,
Đã phải vào nhà tù cùng mẹ.

*Oa ... ! Oa ... ! Oaa ... !
Cha sợ sung quân cứu nước nhà;
Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi,
Phải theo mẹ đến ở nhà pha.*

NAM TRÂN dịch

(1) Tân Dương : Tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đi Quế Lâm. Cũng như bài *Trung bình gia quyến*, bài này mượn lời một cháu nhỏ để châm biếm lối bắt lính của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Vì không bắt được chồng vào lính, họ đã bỏ tù người vợ cùng với con nhỏ.

寄 兄 魯

我 奮 鬥 時 君 活 動
君 入 獄 時 我 住 籠
萬 里 遙 遙 未 見 面
神 交 自 在 不 言 中

二

我 們 遭 逢 本 是 同
不 同 的 是 所 遭 逢
我 居 友 者 國 國 裡
君 在 仇 人 桔 桎 中

KÝ NI-LỒ

I

*Ngã phấn đấu thì quân hoạt động,
Quân nhập ngục thì ngã trú lưng;
Vạn lý dao dao vị kiến diện,
Thần giao tự tại bất ngôn trung.*

II

*Ngã môn tao phùng bản thị đồng,
Bất đồng đích thị sở tao phùng;
Ngã cư hữu giả quyền linh lý,
Quân tại cừu nhân cốc trất trung.*

GỬ NÊ-RU ⁽¹⁾

I

Lúc tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Lúc anh vào ngục, tôi ngồi tù;
Muôn dặm xa xôi, chưa từng gặp mặt,
Nhưng mỗi giao cảm sâu xa đã sẵn trong
chỗ không lời.

II

Cảnh ngộ của chúng ta vốn giống nhau,
Nhưng không giống nhau lại cũng là ở
cảnh ngộ;
Tôi, trong nhà tù của người bè bạn,
Còn anh, trong xiềng xích của kẻ thù.

(1) *Nê-ru* : Tức Sơ-li ja-va-hác-lan Nê - ru (1889 -1964) một chiến sĩ của nền độc lập Ấn Độ là thủ tướng Ấn Độ từ 1947 đến 1964. Bác Hồ đã gặp cụ thân sinh ra thủ tướng Nê-ru, cũng là một chiến sĩ lão thành ở hội nghị quốc tế chống chiến tranh đế quốc tại Bơ-rúc-xen (Bruxelle, thủ đô nước Bỉ, năm 1927).

I

*Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù;
Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.*

II

*Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần;
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,
Anh, trong gông xích bọn cừu nhân.*

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

燈光費

入籠要納燈光費
桂幣人人各六元
步入朦朧幽暗地
光明值得六元錢

ĐĂNG QUANG PHÍ

*Nhập lung yếu nạp đăng quang phí,
Quế tệ nhân nhân các lục nguyên;
Bộ nhập mông lung u ám địa,
Quang minh trị đắc lục nguyên tiền !*

TIỀN ĐÈN

Vào tù phải nộp khoản tiền đèn,
Tiền Quảng Tây ⁽¹⁾ mỗi người sáu đồng;
Bước vào nơi tối tăm mù mịt,
Sự quang minh đáng giá có sáu đồng.

*Vào lao phải nộp khoản tiền đèn,
Tiền Quảng Tây vừa đúng sáu
"nguyên" ;
Vào chỗ tối tăm mù mịt ấy,
Quang minh đáng giá bảy nhiều tiền.*

NAM TRẦN dịch

(1) *Tiền Quảng Tây*: nguyên văn là "Quốc tệ" tức tiền Quế. Quế là một tên khác của tỉnh Quảng Tây.

獄中生活

每人各有一火炉

大大小小幾個鍋

煮飯煮茶又煮菜

成天煙火沒時無

NGỤC TRUNG SINH HOẠT

*Mỗi nhân các hữu nhất hỏa lô,
Đại đại, tiểu tiểu kỷ cá oa;
Chữ phạn chữ trà hựu chữ thái,
Thành thiên yên hoả một thì vô.*

SINH HOẠT TRONG TÙ

Mỗi người đều có một hoả lò,
Và mấy chiếc nồi lớn nhỏ;
Thổi cơm, đun trà, lại nấu thức ăn,
Suốt ngày khói lửa không lúc nào ngớt.

*Hoả lò ai cũng có riêng rồi.
Nhỏ nhỏ, to to mấy chiếc nồi;
Cơm, nước, rau, canh, đun với nấu,
Suốt ngày khói lửa mãi không thôi.*

NAM TRÂN dịch

郭先生

萍水相逢談片刻

郭君對我甚慇懃

雪中送炭雖然少

世界仍存這種人

QUÁCH TIÊN SINH

"Bình thủy tương phùng", đàm phiến

khắc,

Quách quân đối ngã thậm ân cần;

"Tuyết trung tống thán" tuy nhiên thiểu,

Thế giới nhưng tồn giá chủng nhân.

TIÊN SINH HỌ QUÁCH

"Bèo nước gặp nhau" chuyện trò chốc lát,
Bác Quách đối với ta hết sức ân cần;
Những người "trong tuyết cho than" ⁽¹⁾
tuy rằng ít,
Nhưng trên đời vẫn còn những người như
thế.

*"Gặp nhau bèo nước", chuyện gần xa,
Ông Quách ân cần đối đãi ta;
"Rét đến cho than", không mấy kẻ,
Đời nay người thế vẫn còn mà.*

NAM TRẦN - HUỆ CHI dịch

(1) Thành ngữ Trung Quốc : "Tuyết trung tống than" nghĩa là cho than để sưởi ấm trong những ngày tuyết rơi. Ý nói giúp đỡ người khác những lúc gặp khó khăn hoạn nạn.

莫班莫

新謝實割莫班

籍囊買通詭囚人

知問籍執詭此類

不取海難只取恩

MẠC BAN TRƯỞNG

*Khảng khái Tân Dương , Mạc ban trưởng,
Giải nang mãi phạn cấp tù nhân;
Văn gian giải phược cấp tha thụy,
Bất dụng uy quyền, chỉ dụng ân.*

TRƯỞNG BAN HỌ MẠC

Hào hiệp thay, trưởng ban họ Mạc ở
Tân Dương,
Bỏ tiền túi mua cơm cho tù nhân;
Tối đến cời trối cho họ ngủ,
Không dùng uy quyền, chỉ dùng ân nghĩa.

*Trưởng ban họ Mạc người hào hiệp,
Dốc túi mua cơm giúp phạm nhân;
Đêm đến cời thùng cho họ ngủ,
Chẳng dùng quyền thế, chỉ dùng ân.*

NAM TRẦN dịch

遷江獄

1 - 12

籠外六十九人盡
籠中的盡不知數
監房却像劉藥堂
又像街上賣盜鋪

THIÊN GIANG NGỤC

1 - 12

*Lung ngoài lục thập cửu nhân áng,
Lung trung dịch áng bất tri số;
Giám phòng khước tượng bào dục
đường,
Hựu tượng nhai thượng mại áng phó.*

NHÀ LAO THIÊN GIANG ⁽¹⁾

1 - 12

Ngoài lao sáu mươi chín cái ang người, ⁽²⁾
Ang ở trong lao nhiều vô kể;
Buồng giam mà lại giống nhà bào chế
thuốc,
Lại cũng giống hệt như cửa hàng bán ang
ngoài phố !

*Ngoài lao sáu chín chiếc ang người;
Chồng chất trong lao biết mấy mươi;
Nhà ngục mà như nhà chế thuốc,
Gọi là hàng chính cũng không sai.*

BĂNG THANH dịch

(1) *Thiên Giang* : Tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây.

(2) *Ang người* : Một kiểu áo quan Quảng Tây và một số tỉnh miền nam Trung Quốc có tục chôn người, thường theo tư thế ngồi, vào những chiếc ang.

搭火車往來賓

幾十日來勞走路

今天得搭火車行

雖然只得坐炭上

畢竟比徒步漂亮

THÁP HOÀ XA VĂNG LAI TÂN

*Kỷ thập nhật lai lao tẩu lộ,
Kim thiên đắc tháp hoả xa hành ;
Tuy nhiên chỉ đắc toạ thán thượng,
Tất cánh tỷ đồ bộ phiêu lượng.*

ĐÁP XE LỬA ĐI LAI TÂN⁽¹⁾

Mấy chục ngày qua đi bộ mệt nhoài,
Hôm nay được đáp xe lửa;
Dù chỉ được ngồi trên đồng than,
Nhưng so với đi bộ vẫn còn sang chảnh !

*Cuộc bộ mấy mươi ngày vất vả,
Hôm nay được bước lên xe hoả;
Dù rằng chỉ ngồi trên đồng than,
Sang gấp mấy lần khi cuộc bộ.*

ĐỖ VĂN HỖ - HUỆ CHI dịch

(1) *Lai Tân* : Tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường sắt từ Nam Ninh đi Quế Lâm.

他想逃

一心只想自由境
拚命跳車他走開
可惜他跑半里許
又被警兵捉回來

THA TUỞNG ĐÀO

*Nhất tâm chỉ tưởng tự do cảnh,
Biên mệnh khiến xa tha tẩu khai;
Khả tích tha bào bán lý hử,
Hậu bị cảnh binh tróc hồi lai !*

ANH ẤY MUỐN TRỐN

Một lòng chỉ mong mỗi cảnh tự do,
Liều mạng nhảy xuống xe, anh ấy trốn;
Tiếc thay, mới chạy chừng nửa dặm,
Lại bị cảnh binh bắt đem về.

*Tự do anh ấy hằng mong mỗi,
Liều mạng đâm nhào nhảy xuống xe;
Rủi quá chạy đâu chừng nửa dặm,
Bị ngay cảnh sát bắt lôi về !*

NAM TRẦN dịch

來賓

賭天天長班房監
錢犯解吞貪長警
事辦公燈燒長縣
天太平蕉依賓來

LAI TÂN

*Giám phòng Ban trưởng thiên thiên đồ,
Cảnh trưởng tham thôn giải phạm tiền;
Huyện trưởng thiên đăng biện công sự,
Lai Tân y cựu thái bình thiên.*

LAI TÂN

Ban trưởng nhà giam ngày ngày đánh bạc,
Cảnh trưởng tham lam ăn tiền phạm nhân
bị giải ;
Huyện trưởng chong đèn làm việc công,
Lai Tân vẫn thái bình như xưa.

*Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh;
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.*

NAM TRẦN dịch

到柳州

9 - 12

千辛萬苦非無限
九日吾人到柳州
回顧百餘天惡夢
醒來面尚帶餘愁

ĐÁO LIỄU CHÂU

9 - 12

*Thiên tân vạn khổ phi vô hạn,
Cửu nhật ngô nhân đáo Liễu Châu;
Hồi cố bách dư thiên ác mộng,
Tỉnh lai diện thượng đới dư sầu.*

ĐẾN LIỄU CHÂU ⁽¹⁾

9 -12

Muôn cay nghìn đắng không phải là vô
hạn,
Ngày mộng chín, ta đến Liễu Châu;
Ngoảnh lại, hơn trăm ngày ác mộng,
 Tỉnh ra, trên mặt còn vương chút u sầu.

*Muôn cay nghìn đắng đâu vô hạn,
Mộng chín ta vừa đến Liễu Châu;
Ngoảnh lại hơn trăm ngày ác mộng,
 Tỉnh ra, trên mặt vẫn vương sầu.*

NAM TRẦN dịch

(1) Liễu Châu :M một thành phố của tỉnh Quảng Tây, trên đường từ Nam Ninh đi Quế Lâm.

久不逾解

苦藥杯將乾更苦
難關末步倍艱難
長官部只隔里許
何故長留我此間

CUU BẮT ĐỆ GIẢI

*Khó được, bời tương can cánh khổ,
Nan quan, mặt bộ bội gian nan;
Trường quan bộ chỉ cách lý hử,
Hà cố trường lưu ngã thử gian ?*

GIAM LÂU KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN

Chén thuốc đắng, lúc gần cạn càng đắng,
Cửa ải khó, đến chặng cuối càng khó
khăn ;
Dinh trưởng quan chỉ cách chừng một
dặm,
Cớ sao giữ mãi ta ở chốn này ?

*Thuốc đắng, cạn liều càng thấy đắng,
Đường gay, cuối chặng lại thêm gay;
Dinh quan chỉ cách đây chừng dặm,
Sao mãi giam ta ở chốn này ?*

NAM TRẦN dịch

夜半

睡時都像純良漢
醒後才分善惡人
善惡原來無定性
多由教育的原因

ĐẠ BÀN

*Thuy thì đô tượng thuần lương hán,
Tỉnh hậu tài phân thiện, ác nhân;
Thiện, ác nguyên lai vô định tính,
Đa do giáo dục đích nguyên nhân.*

NỬA ĐÊM

Lúc ngủ, mọi người đều có vẻ thuần hậu,
 Tỉnh dậy, mới phân biệt rõ người thiện kẻ
 ác ;
 Thiện, ác vốn chẳng phải là bản tính cố
 hữu,
 Phần lớn đều do giáo dục mà nên.

***Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền;
Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,
Phân nhiều do giáo dục mà nên.***

NAM TRẦN dịch

柳州獄^(5.3)

LIÊU CHÂU NGỤC⁽¹⁾

NHÀ NGỤC LIÊU CHÂU

(1) Trong nguyên bản, bài thơ này chỉ có dấu đề, không có nội dung thơ.

到長官部

想這難關是最后
自由日子快來臨
那知還有難關在
我們應該解桂林

ĐÁO TRƯỜNG QUAN BỘ

*Tưởng giá nan quan thị tối hậu,
Tự do nhật tử khoái lai lâm,
Na tri hoàn hữu nan quan tại,
Ngã mãn ứng cai giải Quế Lâm.*

ĐẾN DINH TRƯỞNG QUAN

Tưởng rằng cửa ải khó khăn này là cuối
cùng,
Ngày tự do đang đến nhanh;
Ngờ đâu còn cửa ải khó khăn nữa,
Chúng tôi còn bị giải đi Quế Lâm. ⁽¹⁾

*Tưởng qua cửa ải này là hết,
Ngày tự do âu cũng chẳng chầy;
Nào biết gian nan còn ải nữa,
Quế Lâm còn phải giải đi ngay.*

NAM TRẦN dịch

(1) Quế Lâm : Thủ phủ của tỉnh Quảng Tây.

四個月了

一日囚千秋在外
古人之話不差訛
四月非人類生活
使余憔悴十年多
因為

四月吃不飽

四月睡不好

四月不換衣

四月不洗澡

所以

落了一隻牙

髮白了許多

黑瘦像餓鬼

全身是癩痧

幸而
持久和忍耐
不肯退一分
物質雖痛苦
不動搖精神

TỨ CÁ NGUYỆT LIÊU

"Nhất nhật tù, thiên thu tại ngoại",
Cổ nhân chỉ thoại bất sai ngoa !
Tứ nguyệt phi nhân loại sinh hoạt,
Sử dư tiểu tuy thập niên đa.

Nhân vị :

*Tứ nguyệt ngật bất bão,
Tứ nguyệt thuy bất hảo,
Tứ nguyệt bất hoán y,
Tứ nguyệt bất tẩy tẩy.*

Sở dĩ :

*Lạc liễu nhất chích nha,
Phát bạch liễu hứa đa,
Hắc sáu tượng ngã quý
Toàn thân thị lại sa.*

Hạnh nhi :

*Trì cửu hoà nhân nại,
Bất khảng thoái nhất phân,
Vật chất tuy thống khổ,
Bất động dao tình thần.*

BỐN THÁNG RỒI

"Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa thực không sai;
Sống chẳng ra người vừa bốn tháng,
Khiến mình tiêu tụy còn hơn mười năm.

Bởi vì :

Bốn tháng ăn không no,
Bốn tháng ngủ không yên,
Bốn tháng không thay áo,
Bốn tháng không tắm rửa.

Cho nên :

Rụng mất một chiếc răng,
Tóc bạc đi nhiều,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở khắp thân mình.

May sao :

Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân;
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.

**"Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa đâu có sai;
Sống khác loài người vừa bốn tháng,
Tiểu tuy còn hơn mười năm trời.**

Bởi vì :

**Bốn tháng cơm không no,
Bốn tháng đêm thiếu ngủ,
Bốn tháng áo không thay,
Bốn tháng không giặt giũ.**

Cho nên :

***Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phần,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở mọc đầy thân.***

May mà :

***Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.***

NAM TRÂN dịch

病重

外感華天新冷熱
內傷越地舊山河
獄中害病真辛苦
本應痛哭却狂歌

BỆNH TRỌNG

*Ngoại cảm Hoa thiên tân lãnh nhiệt,
Nội thương Việt địa cựu sơn hà;
Ngục trung hại bệnh chân tâm khổ,
Bản ứng thống khóc khước cuồng ca.*

ỔM NẶNG

Bên ngoài, cảm vì sự nóng lạnh mới thay
đổi của trời Hoa,
Bên trong, đau vì non sông xưa của đất
Việt ;
Trong tù mắc bệnh thực đắng cay,
Lẽ ra phải khóc ròng mà ta cứ hát ngao !

*"Ngoại cảm" trời Hoa cơn nóng lạnh,
"Nội thương" đất Việt cảnh lâm than;
Ở tù mắc bệnh càng cay đắng,
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn !*

NAM TRẦN dịch

到桂林

桂林無桂亦無林
只見山高與水深
榕蔭監房真可怕
白天黑黑夜沉沉

ĐÁO QUẾ LÂM

*Quế Lâm vô quế diệc vô lâm,
Chỉ kiến sơn cao dữ thủy thâm;
Dung ảm giam phòng chân khả phạ,
Bạch thiên hắc hắc, dạ trầm trầm.*

ĐẾN QUẾ LÂM

Quế Lâm không quế cũng không rừng,
Chỉ thấy núi cao và sông sâu;
Cây đa rủ bóng xuống ruộng giam, thực
đáng sợ,
Ban ngày thì sấm tối, ban đêm thì im lìm.

*Quế Lâm không quế, không rừng,
Sông sâu thăm thẳm, trập trùng núi cao;
Bóng đa dè nặng nhà lao,
Đêm sao lặng ngắt, ngày sao tối sấm !*

NAM TRẦN dịch

Bản dịch khác :

Quế Lâm, không quế, có rừng đâu,
Chỉ thấy non cao lẫn nước sâu;
Ngục dưới bóng đa ghê sợ thực,
Ngày thì ảm đạm, tối u sầu !

XUÂN DIỆU - ĐỖ VĂN HỸ dịch

入籠錢

初來要納入籠錢
至少仍須五十元
倘你無錢不能納
你將步步碰麻煩

NHẬP LUNG TIỀN

*Sơ lai yếu nạp nhập lung tiền,
Chỉ thiếu nhưng tu ngũ thập nguyên;
Thắng nhĩ vô tiền bất năng nạp,
Nhĩ tương bộ bộ bình ma phiền.*

TIỀN VÀO NHÀ GIAM

Mới đến, phải nộp khoản tiền vào nhà lao,
Ít nhất cũng năm mươi đồng;
Nếu anh không có tiền, không nộp được,
Mỗi bước đi anh sẽ gặp chuyện rắc rối.

*Mới đến nhà giam phải nộp tiền,
Lệ thường ít nhất năm mươi "nguyên" !
Nếu anh không có tiền đem nộp,
Mỗi bước anh đi, mỗi bước phiền.*

NAM TRÂN dịch

? !

空空苦了四十天
四十天苦不勝言
現在又要解返柳
真是令人悶又煩

? !

*Không không khổ liễu tứ thập thiên,
Tứ thập thiên khổ bất thắng ngôn (ngôn);
Hiện tại hựu yếu giải phản Liễu,
Chân thị Linh nhân muộn hựu phiền.*

? !

Cực khổ không đâu mất bốn mươi ngày
rồi,
Bốn mươi ngày khổ không nói xiết;
Nay lại phải giải trở về Liễu Châu,
Thực khiến cho người ta bực bội lại
buồn phiền.

*Không đâu khổ đã bốn mươi ngày,
Bốn chục ngày qua xiết đoạ dày ;
Nay lại giải về Châu Liễu nữa,
Khiến người đã bực lại buồn thay !*

ĐỖ VĂN HỠ dịch

?

柳州桂林又柳州
踢來踢去像皮球
含冤踏遍廣西地
不知解到幾時休

?

*Liêu Châu , Quế Lâm hựu Liễu Châu,
Dịch lại dịch khứ, tượng bì cầu;
Hàm oan đạp biến Quảng Tây địa,
Bất tri giải đáo kỷ thì hưu ?*

?

Liêu Châu, Quế Lâm lại Liêu Châu,
Đá qua đá lại như quả bóng da,
Ngậm oan đi khắp đất Quảng Tây,
Không biết giải đến bao giờ mới thôi ?

*Liêu Châu, Quế Lâm lại Liêu Châu,
Đá qua đá lại, bóng chuyển nhau;
Quảng Tây đi khắp, lòng oan ức,
Giải đến bao giờ, giải tới đâu ?*

NAM TRẦN dịch

到第四战区政治部

解遇廣西十三縣
住了十八个監房
試問余所犯何罪
罪在為民族盡忠

ĐÁO ĐỀ TỨ CHIẾN KHU
CHÍNH TRỊ BỘ

*Giải quá Quảng Tây thập tam huyện,
Trú liễu thập bát cá giam phòng;
Thí vấn dư sở phạm hà tội ?
Tội tại vị dân tộc tận trung !*

ĐẾN CỤC CHÍNH TRỊ
CHIẾN KHU IV ⁽¹⁾

Giải khắp mười ba huyện tỉnh Quảng
Tây,
Dừng chân qua mười tám nhà lao ;
Thử hỏi ta phạm tội gì ?
Tội tận trung với dân tộc !

*Quảng Tây giải khắp mười ba huyện,
Mười tám nhà lao đã ở qua;
Phạm tội gì đây ? Ta thử hỏi,
Tại trung với nước, với dân à ?*

NAM TRÂN dịch

(1) Cục chính trị này đóng ở Liễu Châu là một trung tâm quân sự của Tưởng Giới Thạch ở Quảng Tây lúc đó.

政治部禁閉室

二尺濶 今三尺長
四人住此日傍徨
要伸伸⁽⁵⁾脚也不可
因為多人少地方

CHÍNH TRỊ BỘ CẤM BẾ THẤT

*Nhị xích khoát hề tam xích trường,
Tứ nhân trú thử nhật bàng hoàng;
Yếu thân thân cửc dã bất khả,
Nhân vị đa nhân, thiếu địa phương.*

NHÀ GIAM CỦA CỤC CHÍNH TRỊ

Hai thước rộng và ba thước dài,
Bốn người suốt ngày quanh quẩn trong đó;
Muốn đuổi chân một tý cũng không được,
Bởi người đông mà đất lại hẹp.

*Ba thước chiều dài hai thước rộng,
Bốn người chen chúc ở bên trong,
Duỗi chân một tý cũng không thể,
Nhà hẹp mà người lại quá đông.*

HUỆ CHI dịch

Bản dịch khác :

Hai thước rộng , ba thước dài,
Ngày đêm luẩn quẩn bốn người tù nhân,
Mỗi chân, không chỗ duỗi chân,
Người đông, phòng hẹp, khó phân trở
xoay.

KHUÔNG HỮU DUNG dịch

蒙優待

吃够飯菜睡够毡
又給零錢買報烟
主任梁公優待我
我心感激不勝言

MÔNG ƯU ĐÃI

*Ngật câu phạn thái, thuy câu chiên,
Hựu cấp linh tiền mãi báo, yên;
Chủ nhiệm Lương công ưu đãi ngã,
Ngã tâm cảm kích bất thắng ngôn.*
(ngôn).

ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Ăn đủ cơm rau, ngủ đủ chăn đắp,
Lại cho tiền mua báo, mua thuốc hút;
Chủ nhiệm họ Lương ưu đãi ta,
Lòng ta cảm kích không thể nói xiết.

*Ăn có cơm rau, ngủ có mền,
Báo xem, thuốc hút; cấp cho tiền;
Ông Lương chủ nhiệm đãi ta hậu,
Cảm kích lòng ta, nói chẳng nên.*

HUỆ CHI dịch

朝景

太陽每早從山上
照得全山處處紅
只為龍前有黑影
太陽未照到龍中

TRIỀU CẢNH

*Thái dương mỗi sáng từ sơn thượng,
Chiếu khắp toàn sơn xứ xứ hồng;
Chỉ vì lưng tiền hữu hắc ảnh,
Thái dương vị chiếu đáo lưng trung.*

CẢNH BUỔI SỚM

Mỗi buổi sớm, mặt trời nhô lên từ đỉnh
núi,
Chiều khắp núi, nơi nào cũng đỏ rực;
Chỉ vì trước nhà tù có bóng đen,
Mặt trời chưa rọi được vào trong ngục.

*Đầu non sớm sớm vằng dương mọc,
Khắp núi nơi nơi rực ánh hồng;
Chỉ bởi trước lao còn bóng tối,
Mặt trời chưa rọi thấu vào trong.*

NAM TRẦN dịch

清明

清明時節雨紛紛
籠裡囚人欲斷魂
借問自由何處有
衛兵遙指辦公門

THANH MINH

*Thanh minh thời tiết vũ phân phân,
Lung lý tù nhân giục đoạn hồn;
Tá vấn tự do hà xứ hữu ?
Vệ binh đao chỉ biện công môn.*

TIẾT THANH MINH

Tiết thanh minh mưa phùn dày hạt,
Trong ngục, người tù buồn đứt ruột;
Uớm hỏi : nơi nào có tự do ?
Lính gác chỉ tay về phía xa: cửa công
đường,

*Thanh minh lát phát mưa phùn,
Tù nhân nghe thấm nỗi buồn xót xa;
Tự do, thử hỏi đâu là ?
Lính canh trở lối thẳng ra công đường.*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác :

**Thanh minh, mưa bụi mịn mù rơi,
Trong ngục, tù nhân dạ rối bời;
Uớm hỏi : tự do đâu có được ?
Lính canh xa trở cửa quan ngồi.**

HUỆ CHI dịch

晚景

玫瑰花開花又謝
花開花謝兩無情
花香透入籠門裡
向在籠人訴不平

VĂN CẢNH

*Mai khôì hoa khai hoa hựu tạ,
Hoa khai hoa tạ hương vô tình;
Hoa hương thấu nhập lung môn lý,
Hương tại lung nhân tố bất bình.*

CẢNH CHIỀU HÔM

Hoa hồng nở hoa hồng lại tàn,
Hoa nở hoa tàn đều vô tình;
Hương hoa bay vào thấu trong ngực,
Tối kể với người trong ngực nổi bất bình.

*Hoa hồng nở hoa hồng lại rụng,
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình;
Hương hoa bay thấu vào trong ngực,
Kể với tù nhân nổi bất bình.*

NAM TRẦN dịch

伍科長黃科員
伍科長與黃科員
兩二見我太可憐
慇懃慰問和幫助
這像冬寒遇暖天

NGŨ KHOA TRƯỞNG,
HOÀNG KHOA VIÊN

*Ngũ khoa trưởng dữ Hoàng khoa viên,
Lưỡng nhị kiến ngã thái khả liên;
Ân cần uỷ vấn hoà bang trợ,
Giá tượng đông hàn ngộ noãn thiên.*

KHOA TRƯỞNG HỌ NGŨ,
KHOA VIÊN HỌ HOÀNG

Khoa trưởng họ Ngũ và khoa viên họ
Hoàng,
Hai người đến thăm thấy tình cảnh của ta
rất đáng thương ;
Ân cần thăm hỏi và giúp đỡ,
Thật giống như mùa đông rét mướt gặp
được ngày nắng ấm.

*Họ Ngũ trưởng khoa với họ Hoàng,
Thấy ta cùng cực động lòng thương;
Ân cần thăm hỏi và cứu giúp,
Như nắng bừng lên giữa giá sương.*

HUỆ CHI Dịch

限制

沒有自由真痛苦
出恭也被人制裁
開籠之時肚不痛
肚痛之時籠不開

HẠN CHẾ

Một hữu tự do chân thống khổ,
Xuất cung đã bị nhân chế tài;
Khai lung chi thì đồ bất thống,
Đồ thống chi thì lung bất khai.

BỊ HẠN CHẾ

Không có tự do thực thống khổ,
Đến chuyện di tiêu cũng bị người hạn
chế ;

Lúc mở cửa ngục, bụng không đau,
Đến lúc bụng đau, ngục không mở.

*Đau khổ chỉ bằng mất tự do,
Đến buồn đi ỉa cũng không cho;
Cửa tù khi mở, không đau bụng,
Đau bụng thì không mở cửa tù.*

NAM TRÂN dịch

楊濤病重

無端平地起波濤
送你楊濤入坐牢
城火池魚堪浩嘆
而今你又咳成瘵

DƯƠNG ĐÀO BỆNH TRỌNG

*Vô đoan bình địa khởi ba đào,
Tống nhĩ Dương Đào nhập toạ lao;
"Thành hoả trì ngư" kham hạo thán,
Nhĩ kim nhĩ hựu khái thành lao.*

DƯƠNG ĐÀO ỒM NẶNG

Không dung đất bằng bống nổi sóng,
Đưa anh, Dương Đào, vào ngôi tù;
"Cháy thành vạ lây", đáng thử than biết
mấy,
Mà nay, anh lại mắc chứng lao.

*Sóng dậy đất bằng hỏi có sao,
Đẩy anh vào ngục, anh Dương Đào;
Cháy thành lây vạ, buồn khôn xiết,
Nay lại thương anh mắc chứng lao.*

HOÀNG TRUNG THÔNG dịch

不眠夜

茫茫長夜不能眠
我做囚詩百幾篇
做了一篇常擱筆
從籠門望自由天

BẤT MIÊN ĐẠ

*Mang mang trường dạ bất năng miên,
Ngã tố tù thi bách kỷ thiên;
Tố liễu nhất thiên thường các bút,
Tòng lung môn vọng tự do thiên.*

ĐÊM KHÔNG NGỦ

Đêm dài mệnh mang không ngủ được,
Ta làm thơ tù đã hơn trăm bài;
Làm xong mỗi bài thường gác bút,
Trông qua cửa tù, ngóng trời tự do.

*Năm canh thao thức không nằm,
Thơ tù ta viết hơn trăm bài rồi;
Xong bài, gác bút nghỉ ngơi,
Nhòm qua cửa ngục, ngóng trời tự do.*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác :

**Thăm thẳm đêm dài không ngủ
được,
Trong tù viết đã trăm bài thơ;
Mỗi bài viết đoạn, ta dừng bút,
Cửa ngục nhìn ra : trời tự do !**

HUỆ CHI dịch

久雨

九天下雨一天晴
可恨天公没有情
鞋破路泥污了脚
仍須努力向前行

CỬU VŨ

*Cửu thiên hạ vũ, nhất thiên tình,
Khả hận thiên công một hữu tình !
Hài phá, lộ nê, ô liễu cước,
Nhưng tu nỗ lực hướng tiền hành.*

MƯA LÂU

Chín ngày mưa, một ngày tạnh,
Đáng giận ông trời thật vô tình !
Giày rách, đường lầy, lấm cả chân,
Nhưng vẫn phải gắng sức đi lên phía
trước .

*Một ngày hừng nắng, chín ngày mưa,
Trời thật vô tình, đáng giận chưa !
Giày rách, đường lầy, chân lấm láp,
Vẫn còn dấn bước dậm đường xa.*

NAM TRÂN dịch

Bản dịch khác

Chín ngày mưa, tạnh một ngày,
Ngán cho con tạo khéo hay vô tình;
Giày bong, chân lấm, đường sình,
Dậm xa, mình vẫn như mình dấn lên.

HUỆ CHI dịch

惜光陰

蒼天有意挫英雄
八月消磨桎梏中
尺璧寸陰真可惜
不知何日出牢籠

TÍCH QUANG ÂM

*Thương thiên hữu ý toả anh hùng,
Bát nguyệt tiêu ma cớ trất trung ;
Xích bích thốn âm chân khả tích,
Bất tri hà nhật xuất lao lung.*

TIẾC NGÀY GIỜ

Trời xanh cố ý hãm anh hùng,
Tám tháng đã mòn mỏi trong chốn gông
 cùm ;
Tắc bóng nghìn vàng, thật đáng tiếc,
Chẳng biết ngày nào thoát khỏi vòng lao
 tù ?

*Trời xanh cố ý hãm anh hùng,
Cùm xích tiêu ma tám tháng ròng;
Tấc bóng nghìn vàng, đau xót thực,
Bao giờ thoát khỏi chốn lao lung ?*

NAM TRÂN dịch

讀蔣公訓詞

百折不回向前進
孤臣孽子義當然
決心苦幹與硬幹
自有成功的一天

ĐỘC TƯỜNG CÔNG HUẤN TỪ

Bách chiết bất hồi, hướng tiền tiến,
Cô thân nghiệt tử, nghĩa đương nhiên;
Quết tâm, khổ cán dữ ganh cán,
Tự hữu thành công đích nhất thiên.

ĐỌC LỜI GIÁO HUẤN
CỦA ÔNG TƯỜNG

Trăm nghìn gian khó không lùi, vẫn cứ
tiến,
Phận tôi con bơ vơ nhà tan nước mất, cái
nghĩa phải như vậy ;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
Ắt có một ngày sẽ thành công.

*Gian khó không lùi, vẫn tiến lên,
Thù nhà nợ nước, nghĩa đương nhiên ;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
Nhất định thành công sẽ có phen.*

ĐỖ VĂN HỸ dịch

梁華威蔣軍陞任副司令
昔日揮軍湘浙地
今年抗敵緬滇邊
顯赫威名寒敵胆
爲公預頌凱旋篇

LƯƠNG HOA THỊNH TƯỚNG QUÂN
THĂNG NHẬM PHÓ TƯ LỆNH

*Tích nhật huy quân Tương, Chiết địa,
Kim niên, kháng địch Miến, Diên biên;
Hiển hách, uy danh hàn địch dõm,
Vị công dự tụng khải toàn thiên.*

TƯỚNG QUÂN LƯƠNG HOA THỊNH
THĂNG CHÚC PHÓ TƯ LỆNH

Ngày trước chỉ huy quân đội ở đất Tương
và Chiết ⁽¹⁾ ,
Năm nay chống giặc nơi biên giới Miến
và Điện ⁽²⁾ ;
Uy danh lừng lẫy làm kẻ thù mất mặt,
Vì ông ca trước khúc khải hoàn.

*Đốc quân ngày trước vùng Tương,
Chiết,
Chống giặc năm nay mạn Miến, Điện ;
Lừng lẫy uy danh, thù mất mặt,
Mừng ông, ca trước khải hoàn thiên.*

TRẦN ĐẮC THỌ dịch

(1) Tương : tỉnh Hồ Nam ; Chiết : tỉnh Chiết Giang.

(2) Miến : Miến Điện ; Điện : tỉnh Vân Nam.

贈小候 (海)

幼而學也壯而行
上忠黨國下忠民
儉勤勇敢和廉正
毋負梁公教育情

TẶNG TIỂU HẦU (HẢI)

Ấu nhi học dã, tráng nhi hành,
Thượng trung đảng, quốc, hạ trung dân;
Kiệm cần, dũng cảm hoà liêm chính,
Vô phụ Lương công giáo dục tình.

TẶNG CHÚ HẦU (HẢI)

Bé thì phải học, lớn lên sẽ thực hành,
Trên trung với đảng và nước , dưới trung
với dân ;
Cần kiệm, dũng cảm và liêm chính ,
Chớ phụ cái tình dạy dỗ của ông Lương.

*Bé thì phải học, lớn thì hành,
Với dân, đảng, nước, dạ trung thành ;
Kiệm cần , dũng cảm và liêm chính,
Chớ phụ ông Lương dạy dỗ mình.*

ĐỖ VĂN HỠI dịch

秋感

熊到山峰晚十点
蟲聲斷續慶秋來
囚人不管秋來未
只管囚籠何時開

二

去歲秋初我自由
今年秋首我居囚
倘能裨益吾民族
可說今秋值去秋

THU CẨM

I

*Hùng đảo sơn phong vãn thập điểm,
Trùng thanh đoạn tục khánh thu lai;
Tù nhân bất quản thu lai vị,
Chỉ quản tù lung hà thì khai.*

II

*Khứ tuế thu sơ ngã tự do,
Kim niên thu thủ ngã cư tù ;
Thắng năng tỳ ích ngô dân tộc,
Khả thuyết kim thu trị khứ thu.*

CẨM THU

I

Sao Bắc Đẩu lên đến đỉnh núi đã mười
giờ đêm,
Tiếng trùng dứt nỗi mừng thu sang ;
Người tù chẳng kể thu sang hay chưa,
Chỉ cần biết cửa tù ngày nào mở.

II

Đầu thu năm ngoái ta tự do,
Đầu thu năm nay ta ở tù;
Ví bằng giúp ích được cho dân tộc,
Thì có thể nói, thu nay cũng sánh ngang
thu trước.

I

*Bắc Đẩu mười giờ ngang đỉnh núi,
Đế kêu khoan nhật đón mừng thu;
Thân tù đâu thiết thu sang chữa,
Chỉ thiết hôm nao mở cửa tù.*

II

*Năm ngoái đầu thu ta tự do,
Năm nay thu đến ta trong tù ;
Vĩ bằng giúp ích cho dân tộc,
Thu trước thu này, há kém nhau.*

NAM TRÂN - BĂNG THANH dịch

因 肚 餓

從前送飯天天早
現在開餐遲又遲
況復時間不一定
十十一或十二時

NHÂN ĐỒ NGÃ

*Tòng tiền tống phạn thiên thiên tảo,
Hiện tại khai xan trì hựu trì;
Huống phục thời gian bất nhất định,
Thập, thập nhất, hoặc thập nhị thì.*

NHÂN LÚC ĐÓI BỤNG

Trước đây ngày ngày đưa cơm rất sớm,
Bây giờ, bữa ăn đã muộn lại càng muộn;
Huống chi lại thêm thời gian không
nhất định,
Lúc thì mười giờ, lúc lại mười một, hoặc
mười hai giờ.

*Ngày ngày từ trước cơm đưa sớm,
Bữa bữa giờ đây cứ chậm hoài;
Huống nữa thời gian không nhất định,
Mười giờ, mười một hoặc mười hai.*

NAM TRÂN dịch

陳科員來探
一年只見兵和警
今日看見儒雅人
雅人使我心興奮
我髮黑反兩三分

TRẦN KHOA VIÊN LAI THĂM

*Nhất niên chỉ kiến binh hoà cảnh,
Kim nhật khan kiến nho nhã nhân;
Nhã nhân sử ngã tâm hưng phấn,
Ngã phát hắc phản lưỡng tam phân.*

KHOA VIÊN HỌ TRẦN TỐI THÂM

Quanh năm chỉ thấy lính và cảnh sát,
Hôm nay mới nhìn thấy người nho nhã ;
Người nho nhã khiến lòng ta phấn chấn,
Tóc ta đen trở lại hai ba phần.

*Lính trắng tuần canh nhìn nhẵn mặt,
Hôm nay mới được gặp văn nhân;
Người trông nho nhã, ai không thích,
Mái tóc ta xanh lại mấy phần.*

HUỆ CHI dịch

侯主任思贈一部書
頃承主任送書來
讀罷精神覺頓開
領袖偉言如在耳
天邊轟動一聲雷

HẦU CHỦ NHIỆM ÂN TẶNG
NHẤT BỘ THƯ

*Khoảnh thừa chủ nhiệm tổng thư lại,
Độc bải tinh thần giác đốn khai;
Lãnh tụ vĩ ngôn như tại nhĩ,
Thiên biên oanh động nhất thanh lôi.*

CHỦ NHIỆM HỌ HẦU TẶNG
MỘT BỘ SÁCH

Vừa rồi được Chủ nhiệm đưa sách đến
cho,
Đọc xong, thấy tinh thần đột nhiên mở
mang
Lời lãnh tụ như còn vẳng bên tai,
Khác nào một tiếng sấm âm vang nơi
chân trời.

*Sách ngài Chủ nhiệm mới đưa sang,
Đọc đoạn , tinh thần chột mở mang;
Còn vẳng bên tai lời lãnh tụ,
Chân trời một tiếng sấm rền vang.*

ĐỖ VĂN HỮY dịch

蒙上令准出籠活動

久閑兩腳軟如綿

今試行行屢欲顛

片刻已聞班長喊

返來不准再遲延

MÔNG THUỜNG LỆNH CHUẨN
XUẤT LUNG HOẠT ĐỘNG

*Cửu nhân lương cửốc nhuyển nhut miên,
Kim thí hành hành lữ dục diên;
Phiến khắc dĩ văn Ban trưởng hám :
"Phản lai, bất chuẩn tái trì diên".*

ĐƯỢC LỆNH TRÊN CHO ĐI LẠI
NGOÀI BUỒNG GIAM

Nhàn rồi lâu ngày, hai chân mềm như
bông,
Nay mới đi thử vài bước đã lảo đảo mấy
lần chục ngã ;
Chốc lát đã nghe Ban trưởng quát :
"Quay lại ! Không được rênh rành nữa !"

*Nghỉ lâu, chân tựa bông mềm nhũn,
Đi thử, hôm nay muốn ngã quay;
Chốc lát đã nghe cai ngục quát :
"Không rênh rành nữa, phải vào ngay !"*

ĐỖ VĂN HỖ dịch

秋夜

門前衛士執槍立
天上殘雲傍月飛
木虱縱橫如坦克
蚊蟲聚散似飛機
心懷故國千塘路
夢繞新愁萬縷絲
無罪而囚已一載
老夫和淚寫囚詩

THU DẠ

*Môn tiền vệ sĩ chấp thương lập,
Thiên thượng tàn vân bạng nguyệt phi;
Mộc sắt tung hoành như thần khắc,
Mân trùng tự tán tự phi ky (cơ);
Tâm hoài cố quốc thiên đường lộ,
Mộng nhiều tân sầu, vạn lữ tì.
Vô tội nhi tù dĩ nhất tải,
Lão phu hoà lệ tả tù thi.*

ĐÊM THU

Trước cửa lính gác bỗng súng đứng,
Trên trời đám mây tàn bay bên vầng trăng ;
Lũ rệp bò ngổn ngang như xe tăng ⁽¹⁾
Đàn muỗi lúc tụ lúc tán như máy bay;
Lòng nhớ cố quốc cách xa nghìn trùng,
Giấc mộng vấn vương mối sầu mối như
vạn mối tơ ;
Vô tội mà ở tù đã một năm nay,
Già này hoà nước mắt viết thơ tù.

(1) Xe tăng : nguyên văn là " thán - khắc", phiên âm tiếng Anh " tank".

*Trước cửa lính canh bông súng đứng,
Trên trời trắng lướt giữa làn mây;
Rệp bò ngang dọc như xe cóc,
Muỗi lượn hung hăng tựa máy bay;
Nghìn dặm băng khuâng hôn nước cũ;
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay;
Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hoà lệ thành thơ tả nỗi này.*

NAM TRẦN dịch

晴天

事物循環原有定
雨天之後必晴天
片時宇宙解淋服
萬里山河晒錦毡
日暖風清花帶笑
樹高枝潤鳥爭言
人和萬物都興奮
苦盡甘來理自然

TÌNH THIÊN

*Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định,
Vũ thiên chi hậu tất tình thiên;
Phiến thì vũ trụ giải lâm phục
Vạn lý sơn hà sái cấm chiên;
Nhật noãn phong thanh hoa đới tiếu,
Thụ cao chi nhuận diêu tranh nghiên
(ngón);
Nhân hoà vạn vật đô hưng phấn,
Khổ tận cam lai, lý tự nhiên.*

TRỜI HÙNG

Sự vật vẫn xoay vốn định sẵn,
Sau ngày mưa tấp đến ngày nắng;
Trong chốc lát, vũ trụ đã cởi bộ áo ướt;
Muôn dặm non sông phơi màu chân gấm.
Trời ấm, gió nhẹ, hoa chúm chim cười,
Cây cao, cành mượt, chim đua hót;
Người cùng muôn vật đều phấn chấn.
Hết khổ đến sướng là lẽ tự nhiên.

*Sự vật vẫn xoay đà định sẵn,
Hết mưa là nắng hừng lên thôi;
Đất trời một thoáng thu màn ướt,
Sông núi muôn trùng trải gấm phơi;
Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,
Cây cao, chim hót rộn cảnh tươi;
Người cùng vạn vật đều phơi phới,
Hết khổ là vui vốn lẽ đời.*

NAM TRÂN dịch

看千家詩有感

古詩偏愛天然美
山水煙花雪月風
現代詩中應有鐵
詩家也要會衝鋒

KHÁN "THIÊN GIA THI"
HỮU CẨM

*Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ,
Sơn thủy yên hoa tuyết nguyệt phong;
Hiện đại thi trung ưng hữu thiết,
Thi gia dã yếu hội xung phong.*

CẢM TƯỢNG ĐỌC
"THIÊN GIA THÍ"⁽¹⁾

Thơ xưa nghiêng về yêu cảnh đẹp thiên
nhiên,
Núi, sông, khói, hoa, tuyết, trăng, gió ;
Trong thơ thời nay nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

*Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên
đẹp,
Mây , gió, trăng, hoa, tuyết , núi, sông ;
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.*

NAM TRÂN dịch

(1) *Thiên gia thi* : Tập thơ của "nghìn nhà thơ". Ở Trung Quốc có 2 tuyển tập thơ thời Đường. Tổng được mang tên "Thiên gia thi". Tập đầu do Lưu Khắc Trang đời Tống tuyển chọn, lấy tên *Đường - Tống thiên gia thi tuyển*, tập sau do Tạ Phương Đắc cuối đời Tống tuyển lại tập trước, gọi là *Thiên gia thi*. Có lẽ Bác Hồ đã đọc tập thơ sau này.

卽景

樹梢巧畫張飛像
赤日長明關羽心
祖國終年無信息
故鄉每日望回音

TÚC CẢNH

*Thụ sao xảo hoạ Trương Phi tượng,
Xích nhật trường minh Quan Vũ tâm;
Tổ quốc chung niên vô tín tức,
Cố hương mỗi nhật vọng hồi âm.*

TỨC CẢNH

Ngon cây khéo vẽ hình Trương Phi,
Mặt trời hồng sáng mãi lòng Quan Vũ;
Tổ quốc suốt năm không tin tức,
Mong thư trả lời của quê nhà hàng ngày.

*Cành lá khéo in hình Dục Đức,
Vầng hồng sáng mãi dạ Quan Công;
Năm tròn cố quốc tăm hơi vắng,
Tin tức bên nhà bữa bữa trông.*

NAM TRÂN dịch

結 論

幸遇英明候主任
而今又是自由人
獄中日記從今止
深謝候公再造恩

29 - 8 - 1942

10 - 9 - 1943

完

KẾT LUẬN

*Hạnh ngộ anh minh Hầu Chủ nhiệm,
Nhi kim hựu thị tự do nhân;*

*Ngục trung nhật ký tòng kim chỉ,
Thâm tạ Hầu công tái tạo ân.*

29 - 8 - 1942

10 - 9 - 1943

HOÀN

KẾT LUẬN

May mắn gặp được Chủ nhiệm họ Hầu
sáng suốt,
Mà nay ta lại là người tự do ;
Nhật ký trong tù chấm dứt từ đây,
Cảm tạ khôn xiết công ơn tái tạo của ông
Hầu.

29 - 8 - 1942

10 - 9 - 1943

Hết

*Sáng suốt, nhờ ơn Hầu Chủ nhiệm,
Tự do trở lại với ta rồi;
Ngục trung nhật ký từ đây dứt,
Tái tạo ơn sâu, cảm tạ người.*

29 - 8 - 1942

10 - 9 - 1943

Hết

KHUÔNG HỮU DUNG Dịch

樹精¹³ 巧奪張飛像。赤日長明。國羽心。
祖國終年。各信息。故鄉。金日。望西音。
133 結 締
幸遇英明侯。主任而今。又是自由人。
獄中日記。從今止。深謝侯公再造恩。

29-8-1942

10-9-1943

完

BÚT TÍCH TRANG CUỐI NGỤC TRUNG NHẬT KÝ

新出獄學登山

雲擁重山山擁雲

江心如鏡淨無塵

徘徊獨步西峰嶺

遙望南天憶故人

TÂN XUẤT NGỤC HỌC ĐĂNG SƠN ⁽¹⁾

*Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như kính tịnh vô trần;
Bồi hồi độc bộ Tây Phong lĩnh,
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.*

MỐI RA TÙ, TẬP LEO NÚI

Mây ôm dãy núi, núi ôm mây,
Lòng sông như gương, không chút bụi;
Một mình bồi hồi dạo bước trên đỉnh núi
Tây Phong,
Trông về phía trời Nam xa xăm nhớ bạn
cũ .

*Núi áp ôm mây, mây áp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ;
Bồi hồi dạo bước Tây Phong lĩnh,
Trông lại trời Nam , nhớ bạn xưa.*

NAM TRẦN dịch

(1) Bài thơ cuối cùng này nguyên không có dấu đề, cũng không có trong tập Ngục trung nhật ký, vì được sáng tác sau khi Bác Hồ đã ra tù. Trong hồ sơ còn lưu giữ ở Viện Văn học có bút tích của chính tác giả viết dấu đề này gửi cho Tiểu Ban biên tập vào đầu năm 1960. Vậy có thể đây là dấu đề do Bác Hồ đặt.

Bản dịch khác :

**Mây ôm núi, núi ôm mây,
Lòng sông sạch chẳng mảy may bụi
hồng ;
Bụi ngùi dạo đỉnh Tây Phong,
Trông về cố quốc chạnh lòng nhớ ai.**

T.LAN dịch

MỤC LỤC

	Trang
- Lời Nhà xuất bản	5
- Lời giới thiệu	7
I- NHỮNG BÀI THƠ TIẾNG VIỆT	11
- Thư gửi Hy Mã Nghi Bá đại nhân	13
- Việt Nam yêu cầu ca	14
- Quốc tế ca	17
- Hãy yêu thương nhau và cùng nhau đoàn kết	19
- Bảy lâu mơ ngủ mãi chưa thôi	21
- Đã làm cách mệnh chớ lười thôi	22
- Tư cách một người cách mệnh	23
- Bài ca Trần Hưng Đạo	25
- Cô Vương khuyên chồng	26
- Những câu thơ cuối các chương trong "Nhật ký chìm tàu".	27
- Bài sớ ứng khẩu ở Chi Thôn	31
- Thư vợ gửi chồng	33
- Pác Bó hùng vĩ	34
- Túc cảnh Pác Bó	34
	591

- Hoan nghênh thanh niên học quân sự	35
- Khuyên đồng bào mua báo Việt Nam độc lập	37
- Thơ đề tranh cổ động báo Việt Nam độc lập	38
- Ca dân cày	39
- Ca phụ nữ	40
- Kêu gọi thiếu nhi	41
- Ca công nhân	42
- Ca binh lính	43
- Những câu thơ đầu chương trong tập "Truyện ký đánh du kích".	44
- Thơ vợ gửi chồng đi làm cách mạng	47
- Mười chính sách của Việt Minh	48
- Cảnh rừng Pác Bó	50
- Địa dư nước ta	51
- Lịch sử nước ta	55
- Mừng Xuân - 1942	71
- Ca đội tự vệ	72
- Ca sợi chỉ	73
- Hòn đá	74
- Con cáo và tổ ong	76
- Tặng thống chế Pê-tanh	77
- Nhóm lửa	78
- Tặng toàn quyền Đờ-cu	80
- Chơi trăng	81
- Bài ca du kích	82
- Trê chân trâu	84
- Mừng năm mới - 1943	86
- Tặng cụ Đinh Chương Dương	87

- Chào Xuân	88
- Tặng cháu Nông Thị Trung	89
- Bài thơ cổ động	90
- Thơ trong Nhật ký	91
- Tặng báo Quốc Gia	92
- Chúc mừng năm mới	93
- Kinh nghiệm du kích Pháp	95
- Thơ du kích	98
- Những vần thơ cổ động	100
- Xuân Bính Tuất - 1946	101
- Cảm ơn người tặng cam	102
- Thư gửi chị em phụ nữ Xuân Bính Tuất	103
- Thơ tặng các cháu nhi đồng	105
- Bài thơ họa lại thơ của Nguyễn Hải Thần	106
- Chúc năm mới - 1947	108
- Thơ tặng báo Độc Lập	109
- Cảnh rừng Việt Bắc	110
- Cảnh khuya	111
- Tặng các cụ lão du kích	112
- Khen tặng hai cháu liên lạc trong bộ đội chiến khu II	113
- Thơ chúc tết Mậu Tý - 1948	115
- Tặng áo	116
- Tặng báo "Xung phong"	117
- Lời truy điệu cụ Tổ	118
- Chúc tết - 1949	120
- Không đề	121

- Đi thuyền trên sông Đáy	122
- Xuân Canh Dần - 1950	123
- Sáu mươi tuổi	124
- Khuyên thanh niên	125
- Thơ chúc tết Tân Mão - 1951	126
- Gửi nông dân	127
- Thư gửi đồng chí Vương Đàm	128
- Thư Trung thu - 1951	129
- Thơ chúc tết Nhâm Thìn - 1952	130
- Chết vì ốm đòn	131
- Mừng kênh Vĩnhga-Đông hoàn thành (27-7-1952)	133
- Phân công hợp lý	136
- Cháu Bác Hồ thật là oanh liệt	137
- Thư Trung thu	138
- Thơ chúc Tết	139
- Thơ mừng tết Quý Tỵ - 1953	140
- Gửi các cháu nhi đồng nhân dịp tết Trung thu-1953	141
- Nữ anh hùng Nguyễn Thị Bưởi	143
- Kế hoạch Na-va đầu voi đuôi chó	145
- Thơ chúc tết Giáp Ngọ - 1954	147
- Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ	148
- Cảm hứng	151
- Công nhân Quốc tế	152
- Quê đâu cho bằng quê. Nhà ta ta ở, việc ta ta làm.	153
- "Chinh phụ ngâm" mới	154
- Ai sang Niu Yoóc mà coi	156

- Cũ già 120 tuổi	157
- Đường số 5 anh dũng	159
- 6.T của Mỹ Diệm	160
- Kiêu hào yêu nước	161
- Thơ chúc mừng năm mới-1956	162
- Nông dân đoàn kết	163
- Thư gửi thiếu nhi nhân dịp tết Trung thu	164
- Tặng sư đoàn 316	165
- Mở mang thủy lợi	166
- Thơ chúc Tết 1959	167
- Tặng Công an nhân dân vũ trang	168
- Trồng cây	169
- Tám điều cần thiết	170
- Mừng Đại hội những người sản xuất trẻ Thủ đô	171
- Thơ mừng năm mới - 1960	172
- Mừng xuân Nguyên Đán thế nào	173
- Nhiều, nhanh, tốt, rẻ	174
- Đảng ta	175
- Tặng các cụ phụ lão	176
- Mừng Xuân - 1961	177
- Thăm lại hang Pác Bó	178
- Nước ta	179
- Công nông binh thi đua	180
- Thơ mừng xuân - 1962	181
- Thơ tặng cán bộ chiến sĩ Công an nhân dân vũ trang.	182
- Xuân Quý Mão - 1963	183
- Hữu nghị Việt - Lào	184

- Nguyên tiêu (<i>Rằm tháng giêng</i>)	234
- Báo tiếp (<i>Tin thắng trận</i>)	236
- Tặng Bùi Công (<i>Tặng cụ Bùi</i>)	238
- Tặng Võ Công (<i>Tặng cụ Võ</i>)	243
- Thu dạ (<i>Đêm thu</i>)	245
- Vô đề (<i>Không đề</i>)	247
- Từ chiến sĩ (<i>Nhớ chiến sĩ</i>)	249
- Đối nguyệt (<i>Đôi trăng</i>)	251
- Đăng sơn (<i>Lên núi</i>)	253
- Gửi đồng chí Trần Canh	255
- Tặng Trần Canh đồng chí (<i>Tặng đồng chí Trần Canh</i>)	256
- Ly Bắc Kinh (<i>Rời Bắc Kinh</i>)	258
- Quá Hồ Bắc (<i>Qua Hồ Bắc</i>)	260
- Thập tam đào, quá Trường Sa (<i>Sớm mười ba, qua Trường Sa</i>)	262
- Ngộ quá Thiên Giang (<i>Buổi trưa qua Thiên Giang</i>)	264
- Cận Long Châu (<i>Đến gần Long Châu</i>)	266
- Thất Cửu (<i>Sáu mươi ba tuổi</i>)	268
- Tâm hữu vị ngộ (<i>Tìm bạn không gặp</i>)	270
- Vịnh Vạn Lý Trường Thành (<i>Vịnh Vạn Lý Trường Thành</i>)	272
- Toàn dân cào được tiến (<i>Toàn dân cùng tiến vọt</i>)	274
- Vọng Thiên Sơn (<i>Trông Thiên Sơn</i>)	275
- Quê Lâm phong cảnh (<i>Phong cảnh Quê Lâm</i>)	277
- Vịnh Thái Hồ (<i>Vịnh Thái Hồ</i>)	279

- Phỏng Khúc Phụ (<i>Thăm Khúc Phụ</i>)	281
- Hoàng Sơn nhật ký - Kỳ nhất (<i>Nhật ký Hoàng Sơn - Bài thứ nhất</i>)	283
- Kỳ nhị (<i>Bài thứ hai</i>)	285
- Kỳ tam (<i>Bài thứ ba</i>)	287
- Kỳ tứ (<i>Bài thứ tư</i>)	289
- Kỳ ngũ (<i>Bài thứ năm</i>)	291
- Kỳ lục (<i>Bài thứ sáu</i>)	293
- Ký Mao Chủ tịch (<i>Gửi Mao Chủ tịch</i>)	295
- Vô đề (<i>Không đề</i>)	297
- Nhị vật (" <i>Hai chữ</i> ")	299
- Mậu Thân Xuân tiết (<i>Tiết xuân Mậu Thân</i>)	301
III- NHẬT KÝ TRONG TÙ	303
- Bốn câu đề từ (<i>Bốn câu đề từ</i>)	305
- Khai quyển (<i>Mở đầu tập Nhật ký</i>)	307
- Tại Túc Vinh nhai bị khẩu lưu (<i>Bị bắt giữ ở Túc Vinh</i>)	309
- Nhập Tĩnh Tây huyện ngục (<i>Vào nhà ngục huyện Tĩnh Tây</i>)	311
- Thế lộ nan (<i>Đường đời hiểm trở</i>)	315
- Tảo I-II (<i>Buổi sớm I-II</i>)	319
- Ngọ (<i>Buổi trưa</i>)	322
- Vấn thoại (<i>Lời hỏi</i>)	326
- Ngọ hậu (<i>Quá trưa</i>)	329
- Vãn (<i>Chiều hôm</i>)	331
- Tù lương (<i>Cơm tù</i>)	333

- Nạn hữu xuy địch (<i>Người bạn tù thối sáo</i>)	335
- Cuộc áp I-II (<i>Cái cùm I-II</i>)	338
- Học địch kỳ I-II-III (<i>Học đánh cờ I-II-III</i>)	343
- Vọng nguyệt (<i>Ngắm trăng</i>)	346
- Phân thủy (<i>Chia nước</i>)	348
- Trung thu I.II (<i>Trung thu I-II</i>)	351
- Đố (<i>Đánh bạc</i>)	354
- Đố phạm (<i>Tù cờ bạc</i>)	356
- Nạn hữu Mạc mỗ (<i>Bạn tù họ Mạc</i>)	358
- Nạn hữu nguyên chủ nhiệm L. (<i>Bạn tù L. nguyên là chủ nhiệm</i>)	360
- Song thập nhật giải vãng Thiên Bảo (<i>Tết Song thập bị giải đi Thiên Bảo</i>)	362
- Tẩu lộ (<i>Đi đường</i>)	364
- Mộ (<i>Chiều tối</i>)	366
- Dạ tức Long Tuyền (<i>Đêm ngủ ở Long Tuyền</i>)	368
- Điền Đông (<i>Điền Đông</i>)	370
- Sơ đáo Thiên Bảo ngục (<i>Mới đến nhà lao Thiên Bảo</i>)	372
- Nạn hữu chi thể thám giam (<i>Vợ người bạn tù đến nhà lao thăm chồng</i>)	375
- Các báo : Hoan nghênh Uy-ki đại hội (<i>Các báo đăng tin: Hội họp lớn hoan nghênh Uy-ki</i>)	378
- Tự miễn (<i>Tự khuyên mình</i>)	380
- Dã cảnh (<i>Cảnh đồng nội</i>)	382
- Chúc than (<i>Hàng cháo</i>)	384
- Quả Đức ngục (<i>Nhà lao Quả Đức</i>)	386
- Long An Lưu sở trưởng (<i>Sở trưởng Long An họ Lưu</i>)	388

- Tảo giải (<i>Giải đi sớm</i>)	391
- Đồng chính (<i>Đồng chính</i>)	394
- Nạn hữu đích chi bị (<i>Chiếc khăn giấy của người bạn tù</i>)	396
- Dạ lãnh (<i>Đêm lạnh</i>)	398
- Bàng (<i>Đáy trời</i>)	400
- Lạc liễu nhất chích nha (<i>Rụng mất một chiếc răng</i>)	402
- Long An - Đồng Chính (<i>Long An - Đồng Chính</i>)	404
- Nhai thượng (<i>Trên đường phố</i>)	406
- Lộ thượng (<i>Trên đường</i>)	408
- Trưng bình gia quyền (<i>Gia quyền người bị bắt lính</i>)	410
- Giải trào (<i>Pha trò</i>)	412
- Vãng Nam Ninh (<i>Đi Nam Ninh</i>)	414
- Cảnh binh đàm trư đồng hành (<i>Cảnh binh không lợn cùng đi</i>)	417
- Diệt lạc (<i>Hụt chân gà</i>)	420
- Bán lộ tháp thuyền phó Ung (<i>Giữa đường đáp thuyền đi Ung Ninh</i>)	422
- Nam Ninh ngục (<i>Nhà ngục Nam Ninh</i>)	424
- Nạp muộn (<i>Buồn bực</i>)	426
- Thính kê minh (<i>Nghe gà gáy</i>)	428
- Nhất cá đồ phạm "ngành" liễu (<i>Một người tù cờ bạc "chết cứng"</i>)	430
- Hựu nhất cá... (<i>Lại một người nữa...</i>)	432
- Cấm yên (<i>Cấm hút thuốc</i>)	434
- Dạ hán văn khóc phu (<i>Nửa đêm nghe tiếng khóc chồng</i>)	436

- Hoàng hôn (<i>Hoàng hôn</i>)	438
- Công kim (<i>Tiền công</i>)	440
- Thụy bất trước (<i>Ngủ không được</i>)	442
- Ước hữu (<i>Nhớ bạn</i>)	444
- Thế nạn hữu mẫn tả báo cáo (<i>Viết hộ báo cáo cho các bạn tù</i>)	446
- Lại sang (<i>Ghé ló</i>)	448
- Văn thung mẽ thanh (<i>Nghe tiếng giã gạo</i>)	450
- Song thập nhất (<i>Ngày 11 tháng 11</i>)	454
- Cảnh báo (<i>Báo động</i>)	457
- Chiết tự (<i>Chiết tự</i>)	459
- "Lũ quán" (" <i>Quán trọ</i> ")	461
- Tảo tình (<i>Nắng sớm</i>)	463
- "Việt hữu tao động" (" <i>Việt Nam có bạo động</i> ")	465
- Anh phỏng hoa đoàn (<i>Đoàn đại biểu Anh sang thăm Trung Hoa</i>)	467
- Giải vãng Vũ Minh (<i>Giải đi Vũ Minh</i>)	469
- Bào Hương cầu nhục (<i>Thịt chó ở Bào Hương</i>)	471
- Trúc lộ phu (<i>Làm phu đường</i>)	473
- Ngục đình thiết ngã chi sĩ đích (<i>Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy của ta</i>)	475
- Công lý bí (<i>Cột cây số</i>)	478
- Tân Dương ngục trung hài (<i>Cháu bé trong ngục Tân Dương</i>)	480
- Ký Ni-lô (<i>Gửi Nê-ru</i>)	483
- Đàng quang phí (<i>Tiền đèn</i>)	486
- Ngục trung sinh hoạt (<i>Sinh hoạt trong tù</i>)	488
- Quách tiên sinh (<i>Tiên sinh họ Quách</i>)	490

- Mạc ban trường (<i>Trường ban họ Mạc</i>)	492
- Thiên Giang ngục (<i>Nhà lao Thiên Giang</i>)	494
- Tháp hỏa xa vắng Lai Tân (<i>Đáp xe lửa đi Lai Tân</i>)	496
- Tha tường đào (<i>Anh ấy muốn trốn</i>)	498
- Lai Tân (<i>Lai Tân</i>)	500
- Đáo Liễu Châu (<i>Đến Liễu Châu</i>)	502
- Cừu bát đệ giải (<i>Giam lâu không được chuyển</i>)	504
- Dạ bán (<i>Nửa đêm</i>)	506
- Liễu Châu ngục (<i>Nhà ngục Liễu Châu</i>)	508
- Đáo trưởng quan bộ (<i>Đến dinh trưởng quan</i>)	509
- Tứ cá nguyệt liễu (<i>Bốn tháng rồi</i>)	513
- Bệnh trọng (<i>Ốm nặng</i>)	519
- Đáo Quế Lâm (<i>Đến Quế Lâm</i>)	521
- Nhập lung tiền (<i>Tiền vào nhà giam</i>)	523
- ?!	225
- ?	227
- Đáo đệ tứ chiến khu chính trị bộ (<i>Đến Cục Chính trị chiến khu IV</i>)	529
- Chính trị bộ cấm bế thất (<i>Nhà giam của Cục Chính trị</i>)	531
- Mông ưu đãi (<i>Được ưu đãi</i>)	533
- Triều cảnh (<i>Cảnh buổi sớm</i>)	535
- Thanh minh (<i>Tiết thanh minh</i>)	537
- Văn cảnh (<i>Cảnh chiều hôm</i>)	539
- Ngũ khoa trưởng Hoàng khoa viên (<i>Khoa trưởng họ Ngũ, khoa viên họ Hoàng</i>)	541

- Hạn chế (<i>Bị hạn chế</i>)	543
- Dương Đào bệnh trọng (<i>Dương Đào ốm nặng</i>)	545
- Bất miên dạ (<i>Đêm không ngủ</i>)	547
- Cừu vũ (<i>Mưa lâu</i>)	549
- Tích quang âm (<i>Tiệc ngày giờ</i>)	551
- Đọc tường công huân từ (<i>Đọc lời giáo huấn của ông Tường</i>)	553
- Lương Hoa Thịnh tướng quân thăng nhậm Phó tư lệnh (<i>Tướng quân Lương Hoa Thịnh thăng chức Phó tư lệnh</i>)	555
- Tặng tiểu Hầu (Hải) (<i>Tặng chú Hầu (Hải)</i>)	557
- Thu cảm I- II (<i>Cảm thu I- II</i>)	560
- Nhân đồ ngã (<i>Nhân lúc đói bụng</i>)	563
- Trần Khoa viên lai thám (<i>Khoa viên họ Trần tới thăm</i>)	565
- Hầu Chủ nhiệm ân tặng nhất bộ thư (<i>Chủ nhiệm họ Hầu tặng một bộ sách</i>)	567
- Mông thượng lệnh chuẩn xuất lung hoạt động (<i>Được lệnh trên cho đi lại ngoài buồng giam</i>)	569
- Thu dạ (<i>Đêm thu</i>)	572
- Tinh thiên (<i>Trời húng</i>)	576
- Khán "Thiên gia thi" hữu cảm (<i>Cảm tường đọc "Thiên gia thi"</i>)	579
- Túc cảnh (<i>Tức cảnh</i>)	581
- Kết luận (<i>Kết luận</i>)	583
- Tân xuất ngục học đăng sơn (<i>Mới ra tù, tập leo núi</i>)	587

THƠ HỒ CHÍ MINH

(Tái bản có bổ sung)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN TRỌNG TÂN

Biên tập : HỒ VĂN SƠN

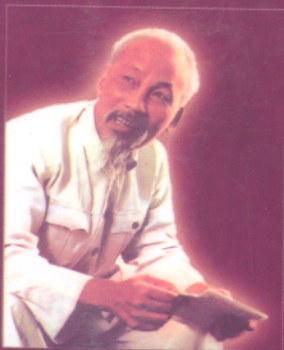
Trình bày sách : VŨ HẢI

Bìa : HỒ THIẾT TRINH

Sửa bản in : NGUYỄN THU HIỀN

In: 1.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm. In tại Nhà in báo Nghệ An. Số chấp nhận kế hoạch để tài xuất bản: 80/118-XB- QLXB, Cục xuất bản cấp ngày 01-2-2005 – giấy trích ngang kế hoạch xuất bản số 16GTNXB. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5-2005

Thơ HỒ CHÍ MINH



NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN

Gía: 48 000 đ